FDVN LAW FIRM

# TRÌNH TỰ, THỦ TỤC KHỞI KIỆN VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

## TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

2025

# MỤC LỤC

.....**Error! Bookmark not defined.**

I. ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC KHỞI KIỆN TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG.....4

1. Khái niệm tranh chấp về lao động và những dạng tranh chấp về hợp đồng lao động .....4
2. Điều kiện khởi kiện .....4
3. Xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết.....7
4. Chuẩn bị hồ sơ khởi kiện và nộp hồ sơ khởi kiện .....11
5. Lưu ý về giai đoạn hòa giải tại trung tâm đối thoại hòa giải.....18
6. Lưu ý về thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng lao động .....19
7. Lưu ý về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ trong quá trình giải quyết tranh chấp về hợp đồng lao động .....20

II. TRÌNH TỰ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT THEO THỦ TỤC SƠ THẨM.....22

1. Thụ lý vụ án.....23
2. Quyền yêu cầu bổ sung đơn kiện, rút một phần, toàn bộ đơn kiện .....23
3. Quyền phản tố, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ phản tố .....24
4. Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải.....24
5. Các thủ tục tổ tụng khác có khả năng phát sinh .....26
6. Thời hạn chuẩn bị xét xử.....30
7. Trình tự tổ chức phiên tòa sơ thẩm: .....30

III. TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT THEO THỦ TỤC XÉT XỬ PHÚC THẨM .....39

1. Điều kiện phát sinh thủ tục xét xử phúc thẩm.....39
2. Người có quyền kháng cáo và lưu ý về đơn kháng cáo, nộp đơn kháng cáo, tạm ứng án phí phúc thẩm .....39
3. Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm .....41
4. Những vấn đề phát sinh rút đơn kháng cáo, thay đổi, bổ sung đơn kháng cáo.....42
5. Trình tự tổ chức phiên tòa phúc thẩm .....43
6. Bản án, quyết định phúc thẩm .....46
7. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự phúc thẩm .....46

IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM.....47



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhoanofdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P. Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT THEO THỦ TỤC TÁI THẨM .....51
VI. TRÌNH TỰ THỦ TỤC THỰC HIỆN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN.....53
VII. THAM KHẢO BẢN ÁN THỰC TẾ .....59
VIII. MẪU ĐƠN KÈM THEO .....61

# I. ĐIỀU KIỆN, THỦ TỤC KHỞI KIỆN TRANH CHẤP VỀ HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

## 1. Khái niệm tranh chấp về lao động và những dạng tranh chấp về hợp đồng lao động

### 1.1. Khái quát tranh chấp hợp đồng lao động

Tranh chấp hợp đồng lao động là tranh chấp lao động trên cơ sở hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao động và người sử dụng lao động.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 179 Bộ luật lao động 2019, tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ lao động; tranh chấp giữa các tổ chức đại diện người lao động với nhau; tranh chấp phát sinh từ quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

### 1.2. Các loại tranh chấp lao động:

Theo quy định tại Điều 179 Bộ luật lao động 2019, các loại tranh chấp lao động gồm:

a) *Tranh chấp lao động cá nhân* giữa người lao động với người sử dụng lao động; giữa người lao động với doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; giữa người lao động thuê lại với người sử dụng lao động thuê lại;

b) *Tranh chấp lao động tập thể* về quyền hoặc về lợi ích giữa một hay nhiều tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc một hay nhiều tổ chức của người sử dụng lao động. Trong đó:

- Tranh chấp lao động tập thể về quyền là tranh chấp giữa một hay nhiều tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc một hay nhiều tổ chức của người sử dụng lao động phát sinh trong trường hợp sau đây:

+ Có sự khác nhau trong việc hiểu và thực hiện quy định của thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế và thỏa thuận hợp pháp khác;

+ Có sự khác nhau trong việc hiểu và thực hiện quy định của pháp luật về lao động;

+ Khi người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử đối với người lao động, thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động vì lý do thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động; can thiệp, thao túng tổ chức đại diện người lao động; vi phạm nghĩa vụ về thương lượng thiện chí.

- Tranh chấp lao động tập thể về lợi ích bao gồm:

+ Tranh chấp lao động phát sinh trong quá trình thương lượng tập thể;

+ Khi một bên từ chối thương lượng hoặc không tiến hành thương lượng trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

## 2. Điều kiện khởi kiện

### 2.1. Quyền khởi kiện:

Tranh chấp lao động được khởi kiện tại Toà án khi thuộc các trường hợp được quy định tại Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bởi điểm a khoản 2 Điều 219 Bộ luật lao động 2019 như sau:

- Đối với tranh chấp cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động phải thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động mà hòa giải thành nhưng các bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, hòa giải không thành hoặc hết thời hạn hòa giải theo quy định của pháp luật về lao động mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải, trừ các tranh chấp lao động sau đây không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải:

a) Về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải hoặc về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động;

b) Về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động;

c) Giữa người giúp việc gia đình với người sử dụng lao động;

d) Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm, về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

đ) Về bồi thường thiệt hại giữa người lao động với doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

e) Giữa người lao động thuê lại với người sử dụng lao động thuê lại.

- Tranh chấp lao động cá nhân mà hai bên thỏa thuận lựa chọn Hội đồng trọng tài lao động giải quyết nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động mà Ban trọng tài lao động không được thành lập, Ban trọng tài lao động không ra quyết định giải quyết tranh chấp hoặc một trong các bên không thi hành quyết định của Ban trọng tài lao động thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tranh chấp lao động tập thể về quyền theo quy định của pháp luật về lao động đã qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động mà hòa giải không thành, hết thời hạn hòa giải theo quy định của pháp luật về lao động mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải hoặc một trong các bên không thực hiện biên bản hòa giải thành thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tranh chấp lao động tập thể về quyền mà hai bên thỏa thuận lựa chọn Hội đồng trọng tài lao động giải quyết nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động mà Ban trọng tài lao động không được thành lập, Ban trọng tài lao động không ra quyết định giải quyết tranh chấp hoặc một trong các bên không thi hành quyết định của Ban trọng tài lao động thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.2. Thủ tục hòa giải bắt buộc đối với một số tranh chấp hợp đồng lao động**

***a) Trường hợp phải qua hoà giải bắt buộc:***

- *Đối với tranh chấp lao động cá nhân:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 188 Bộ luật lao động 2019, tất cả các tranh chấp cá nhân phải thông qua thủ tục hoà giải bắt buộc trừ các trường hợp sau:

+ Về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải hoặc về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động;



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhoanofdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
KhN 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

+ Về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động;

+ Giữa người giúp việc gia đình với người sử dụng lao động;

+ Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm, về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

+ Về bồi thường thiệt hại giữa người lao động với doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;

+ Giữa người lao động thuê lại với người sử dụng lao động thuê lại.

- *Đối với tranh chấp lao động tập thể:*

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 191 Bộ luật lao động 2019, *tranh chấp lao động tập thể về quyền* phải được giải quyết thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án giải quyết.

+ Theo quy định tại khoản 2 Điều 195 Bộ luật lao động 2019, *tranh chấp lao động tập thể về lợi ích* phải được giải quyết thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết hoặc tiến hành thủ tục đình công.

***b) Thẩm quyền giải quyết:*** Uỷ ban nhân dân các cấp (*khoản 3 Điều 181 Bộ luật lao động 2019*).

***c) Trình tự thủ tục hoà giải bắt buộc:***

| **Tranh chấp lao động cá nhân** *(Điều 188 Bộ luật lao động 2019)* | **Tranh chấp lao động tập thể về quyền** *(Điều 192 Bộ luật lao động 2019)* | **Tranh chấp lao động tập thể về lợi ích** *(Điều 196 Bộ luật lao động 2019)* |
|---|---|---|
| Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hòa giải viên lao động nhận được yêu cầu từ bên yêu cầu giải quyết tranh chấp hoặc từ cơ quan quy định tại khoản 3 Điều 181 của Bộ luật lao động 2019, hòa giải viên lao động phải kết thúc việc hòa giải. | | |
| Tại phiên họp hòa giải phải có mặt hai bên tranh chấp. Các bên tranh chấp có thể ủy quyền cho người khác tham gia phiên họp hòa giải. | | |
| Hòa giải viên lao động có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ các bên thương lượng để giải quyết tranh chấp.<br>Trường hợp các bên thỏa thuận được, hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động.<br>Trường hợp các bên không thỏa thuận được, hòa giải viên lao động đưa ra phương án hòa giải để các bên xem xét. Trường hợp các bên chấp nhận phương án hòa giải thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải thành. Biên bản hòa giải thành phải có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động. | | |

<table>
<tr><td colspan="3">Trường hợp phương án hòa giải không được chấp nhận hoặc có bên tranh chấp đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng thì hòa giải viên lao động lập biên bản hòa giải không thành. Biên bản hòa giải không thành phải có chữ ký của bên tranh chấp có mặt và hòa giải viên lao động.</td></tr>
<tr><td colspan="3">Bản sao biên bản hòa giải thành hoặc hòa giải không thành phải được gửi cho các bên tranh chấp trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản.</td></tr>
<tr><td colspan="2">Trường hợp một trong các bên không thực hiện các thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành thì bên kia có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động hoặc Tòa án giải quyết.</td><td>Trường hợp hòa giải thành, biên bản hòa giải thành phải bao gồm đầy đủ nội dung các bên đã đạt được thỏa thuận, có chữ ký của các bên tranh chấp và hòa giải viên lao động. Biên bản hòa giải thành có giá trị pháp lý như thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp.</td></tr>
<tr><td>Trường hợp không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải hoặc trường hợp hết thời hạn hòa giải mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải hoặc trường hợp hòa giải không thành thì các bên tranh chấp có quyền lựa chọn một trong các phương thức sau để giải quyết tranh chấp:<br>a) Yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết;<br>b) Yêu cầu Tòa án giải quyết.</td><td>Trong trường hợp hòa giải không thành hoặc hết thời hạn hòa giải mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải thì các bên tranh chấp có quyền lựa chọn một trong các phương thức sau để giải quyết tranh chấp:<br>a) Yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết;<br>b) Yêu cầu Tòa án giải quyết.</td><td>Trường hợp hòa giải không thành hoặc hết thời hạn hòa giải mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải hoặc một trong các bên không thực hiện thỏa thuận trong biên bản hòa giải thành thì các bên tranh chấp có quyền lựa chọn một trong các phương thức sau để giải quyết tranh chấp:<br>a) Yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết;<br>b) Tổ chức đại diện người lao động có quyền tiến hành thủ tục để đình công.</td></tr>
</table>

**3. Xác định thẩm quyền Tòa án giải quyết**

**3.1. Đối với xét xử sơ thẩm**

- *Xác định thẩm quyền theo vụ việc (Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được sửa đổi bổ sung bởi Bộ luật lao động 2019):* Những tranh chấp về lao động và tranh chấp liên quan đến lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án gồm:

+ Tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động phải thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động mà hòa giải thành nhưng các bên không

thực hiện hoặc thực hiện không đúng, hòa giải không thành hoặc hết thời hạn hòa giải theo quy định của pháp luật về lao động mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải, trừ các tranh chấp lao động sau đây không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải như đã nêu ở trên.

+ Tranh chấp lao động cá nhân mà hai bên thỏa thuận lựa chọn Hội đồng trọng tài lao động giải quyết nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động mà Ban trọng tài lao động không được thành lập, Ban trọng tài lao động không ra quyết định giải quyết tranh chấp hoặc một trong các bên không thi hành quyết định của Ban trọng tài lao động thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tranh chấp lao động tập thể về quyền theo quy định của pháp luật về lao động đã qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động mà hòa giải không thành, hết thời hạn hòa giải theo quy định của pháp luật về lao động mà hòa giải viên lao động không tiến hành hòa giải hoặc một trong các bên không thực hiện biên bản hòa giải thành thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tranh chấp lao động tập thể về quyền mà hai bên thỏa thuận lựa chọn Hội đồng trọng tài lao động giải quyết nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật về lao động mà Ban trọng tài lao động không được thành lập, Ban trọng tài lao động không ra quyết định giải quyết tranh chấp hoặc một trong các bên không thi hành quyết định của Ban trọng tài lao động thì có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Tranh chấp liên quan đến lao động bao gồm: Tranh chấp về học nghề, tập nghề; Tranh chấp về cho thuê lại lao động; Tranh chấp về quyền công đoàn, kinh phí công đoàn; Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh lao động.

+ Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do đình công bất hợp pháp.

+ Các tranh chấp khác về lao động, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

- *Thẩm quyền theo cấp xét xử* (*điểm c khoản 1, khoản 3 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015*)*:* Tranh chấp lao động do TAND cấp huyện giải quyết theo thủ tục sơ thẩm; trường hợp nếu có yếu tố nước ngoài (đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài) hoặc các vụ tranh chấp lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện nhưng Tòa án nhân dân cấp tỉnh tự mình lấy lên để giải quyết khi xét thấy cần thiết hoặc theo đề nghị của Tòa án nhân dân cấp huyện sẽ thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân cấp tỉnh.

| **Tòa án cấp huyện tại tỉnh Cần Thơ bao gồm:** | | | |
|---|---|---|---|
| **STT** | **Tên Tòa án** | **Địa chỉ** | **Số điện thoại** |
| 1 | TAND quận Ninh Kiều | 87 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ | 0292 3 820591 |



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelua.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luawgialai.vn

| | | | |
|---|---|---|---|
| 2 | TAND quận Bình Thủy | Số 142 đường Cách Mạng Tháng 8, phường Bùi Hữu Nghĩa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ | 0292. 3813245 |
| 3 | TAND quận Cái Răng | Quốc lộ I, phường Lê Bình, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ | 0292.3913359 |
| 4 | TAND quận Ô Môn | Lưu Hữu Phước, KV 4, Phường Châu Văn Liêm, Quận Ô Môn, Cần Thơ | 0292 3 861974 |
| 5 | TAND huyện Phong Điền | ấp Thị Tứ - Thị Trấn Phong Điền, , Huyện Phong Điền, Cần Thơ | 0292. 3942093 |
| 6 | TAND huyện Cờ Đỏ | ấp Thới Thuận, Thị trấn Cờ Đỏ, Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ | 0292. 3695352 |
| 7 | TAND quận Thốt Nốt | KV Thới An 1, Phường Thuận An, Quận Thốt Nốt, Cần Thơ | 0292. 3851283 |
| 8 | TAND huyện Vĩnh Thạnh | ấp Vĩnh Tiến, TT Vĩnh Thạnh, , Huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam | 0292.3858789 |
| 9 | TAND huyện Thới Lai | TT Thới Lai, , Huyện Thới Lai, Cần Thơ | 0292 3681166 |
| **Tòa án cấp tỉnh tại tỉnh Cần Thơ bao gồm:** | | | |
| 1 | TAND thành phố Cần Thơ | 17A, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Cần Thơ | 0292 3820 067 |

- *Thẩm quyền theo lãnh thổ (điểm a, b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015)*:

+ Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức.

+ Các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Toa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức giải quyết tranh chấp lao động.

- *Thẩm quyền theo lựa chọn của nguyên đơn (khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015)*:

+ Nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết;

+ Nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở ở Việt Nam thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết;

+ Nếu tranh chấp về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác đối với người lao động thì nguyên đơn là người lao động có thể yêu cầu Toà án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết;

+ Nếu tranh chấp phát sinh từ việc sử dụng lao động của người cai thầu hoặc người có vai trò trung gian thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi người sử dụng lao động là chủ chính cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi người cai thầu, người có vai trò trung gian cư trú, làm việc giải quyết;

+ Nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết.

**3.2. Đối với xét xử phúc thẩm**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật Tổ chức Toà án Nhân dân 2024 quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Toà án cấp phúc thẩm như sau:

*"1. Tòa án cấp phúc thẩm có thẩm quyền xem xét, đánh giá, nhận định về kháng cáo, kháng nghị; các tình tiết của vụ án, vụ việc; căn cứ áp dụng pháp luật và việc xét xử, giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm có thẩm quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; giữ nguyên, hủy, sửa bản án, quyết định sơ thẩm; bảo vệ bản án, quyết định đã xét xử, giải quyết đúng pháp luật; khắc phục những sai sót và thực hiện thẩm quyền khác theo quy định của luật."*

Căn cứ theo khoản 1 Điều 50, khoản 2 Điều 55 Luật tổ chức Tòa án năm 2024 quy định nhiệm vụ quyền hạn của Tòa án nhân dân cấp cao, Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như sau:

Nhiệm vụ, quyền hạn của **Tòa chuyên trách Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:** Phúc thẩm vụ án, vụ việc mà bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của luật.

Nhiệm vụ, quyền hạn của **Tòa án nhân dân cấp cao**: Phúc thẩm vụ án, vụ việc mà bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt Hành chính, Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt Sở hữu trí tuệ thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của luật.

Do đó, đối với trường hợp Toà án nhân dân cấp huyện xét xử sơ thẩm đối với vụ án tranh chấp hợp đồng lao động, khi đương sự không đồng ý với toàn bộ bản án hoặc một phần bản án đã tuyên thì có quyền nộp đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm là Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ xem xét lại bản án sơ thẩm đã tuyên.

Trường hợp Tòa án nhân dân tỉnh Cần Thơ đã thụ lý, xét xử sơ thẩm Tòa án có thẩm quyền xét xử phúc thẩm là Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xem xét lại bản án sơ thẩm đã tuyên. Địa chỉ:



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendanghehuat.vn
Tầng 2, 68 Hàng Bình Nghệ, Yên Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 207 Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhochiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 3, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp Vinh
Luatsuvinhfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
81 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

| Tên Tòa án | Địa chỉ | Số điện thoại |
|---|---|---|
| TAND cấp cao tại TP HCM | 124 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh | 028 38248115 |

**4. Chuẩn bị hồ sơ khởi kiện và nộp hồ sơ khởi kiện**

**** Hình thức, nội dung đơn khởi kiện***

Theo quy định tại 189 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định như sau:

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện phải làm đơn khởi kiện.

- Việc làm đơn khởi kiện của cá nhân được thực hiện như sau:

a) Cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự thì có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ nơi cư trú của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú của cá nhân đó; ở phần cuối đơn, cá nhân đó phải ký tên hoặc điểm chỉ;

b) Cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người đại diện hợp pháp của họ có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ nơi cư trú của người khởi kiện trong đơn phải ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người đại diện hợp pháp của cá nhân đó; ở phần cuối đơn, người đại diện hợp pháp đó phải ký tên hoặc điểm chỉ;

c) Cá nhân thuộc trường hợp quy định tại điểm a và điểm b nêu trên là người không biết chữ, người khuyết tật nhìn, người không thể tự mình làm đơn khởi kiện, người không thể tự mình ký tên hoặc điểm chỉ thì có thể nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện và phải có người có đủ năng lực tố tụng dân sự làm chứng. Người làm chứng phải ký xác nhận vào đơn khởi kiện.

- Cơ quan, tổ chức là người khởi kiện thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó có thể tự mình hoặc nhờ người khác làm hộ đơn khởi kiện vụ án. Tại mục tên, địa chỉ của người khởi kiện phải ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức và họ, tên, chức vụ của người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó; ở phần cuối đơn, người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức phải ký tên và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó; trường hợp tổ chức khởi kiện là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu theo quy định của Luật doanh nghiệp.

***Đơn khởi kiện phải có các nội dung chính sau đây:***

*+ Ngày, tháng, năm làm đơn khởi kiện;*

*+ Tên Tòa án nhận đơn khởi kiện;*

*+ Tên, nơi cư trú, làm việc của người khởi kiện là cá nhân hoặc trụ sở của người khởi kiện là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có).*

*Trường hợp các bên thỏa thuận địa chỉ để Tòa án liên hệ thì ghi rõ địa chỉ đó;*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luatsugialai.vn

*+ Tên, nơi cư trú, làm việc của người có quyền và lợi ích được bảo vệ là cá nhân hoặc trụ sở của người có quyền và lợi ích được bảo vệ là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có);*

*+ Tên, nơi cư trú, làm việc của người bị kiện là cá nhân hoặc trụ sở của người bị kiện là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có). Trường hợp không rõ nơi cư trú, làm việc hoặc trụ sở của người bị kiện thì ghi rõ địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng của người bị kiện;*

*+ Tên, nơi cư trú, làm việc của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân hoặc trụ sở của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cơ quan, tổ chức; số điện thoại, fax và địa chỉ thư điện tử (nếu có).*

*Trường hợp không rõ nơi cư trú, làm việc hoặc trụ sở của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì ghi rõ địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở cuối cùng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*

*+ Quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm; những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết đối với người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;*

*+ Họ, tên, địa chỉ của người làm chứng (nếu có);*

*+ Danh mục tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện.*

**Lưu ý**:

**- Đối với việc ký đơn khởi kiện:** Cá nhân, tổ chức phải tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp ký trực tiếp lên đơn khởi kiện. Đối với người khởi kiện là tổ chức có con dấu thì phải thực hiện đóng dấu của tổ chức đó tại đơn khởi kiện, cụ thể:

+ Đối với cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự, thì cá nhân đó phải ký và điểm chỉ vào đơn khởi kiện.

+ Đối với cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì người đại diện hợp pháp của cá nhân đó ký và điểm chỉ vào đơn khởi kiện. Theo quy định tại Điều 136 BLDS năm 2015 có quy định người đại diện theo pháp luật của cá nhân bao gồm:

- Cha, mẹ đối với con chưa thành niên;
- Người giám hộ đối với người được giám hộ. Người giám hộ người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi là người đại diện theo pháp luật nếu được Tòa án chỉ định.
- Người do Tòa án chỉ định trong trường hợp không xác định được người đại diện theo mục a, b nêu trên;
- Người do Tòa án chỉ định đối với người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

+ Đối với cá nhân có đầy đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự hoặc Cá nhân là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vil à người không biết chữ, người khuyết tật nhìn, người không thể tự mình



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghcanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luawgialai.vn

làm đơn khởi kiện, người không thể tự mình ký tên hoặc điểm chỉ thì người làm chứng ký xác nhận vào đơn khởi kiện.

+ Đối với doanh nghiệp thì người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp ký tên, đóng dấu của doanh nghiệp vào đơn khởi kiện. Căn cứ quy định khoản 1 Điều 12 Luật doanh nghiệp 2020 quy định: Người đại theo pháp luật của doanh nghiệp được quyền đại diện cho doanh nghiệp với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Theo đó, tùy vào từng loại hình doanh nghiệp thì người thì người có thẩm quyền ký kết vào đơn khởi kiện cũng có sự khác nhau:

- Doanh nghiệp tư nhân: Chủ doanh nghiệp tư nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tư nhân, thì thực hiện khởi kiện thì chủ doanh nghiệp tư nhân ký tên, đóng dấu vào đơn khởi kiện.
- Công ty TNHH hai thành viên trở lên thì người đại diện theo pháp luật có thể là Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật. Theo đó, nếu như trong điều lệ công ty không quy định thì là Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật hoặc trong điều lệ công ty quy định Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH hai thành viên trở lên, thì khi thực hiện khởi kiện thì những người này được quyền ký tên, đóng dấu vào đơn khởi kiện.
- Công ty TNHH một thành viên: Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty. Theo đó, nếu như Điều lệ công ty không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc trong điều lệ công ty có quy định Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty, thì khi thực hiện việc khởi kiện thì những người này được quyền ký tên, đóng đấu vào đơn khởi kiện.
- Công ty cổ phần: Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp Điều lệ chưa có quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của công ty. Trường hợp công ty có hơn một người đại diện theo pháp luật thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc hoặc Tổng giám đốc đương nhiên là người đại diện theo pháp luật của công ty, thì khi thực hiện việc khởi kiện thì những người này được quyền ký tên, đóng đấu vào đơn khởi kiện.
- Đối với công ty hợp danh thì thành viên hợp danh sẽ là người đại diện theo pháp luật công ty, thì khi thực hiện việc khởi kiện thì thành viên hợp danh được quyền ký tên, đóng đấu vào đơn khởi kiện.

**- Kèm theo đơn khởi kiện phải có tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm.** Trường hợp vì lý do khách quan mà người khởi

kiện không thể nộp đầy đủ tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện thì người khởi kiện phải nộp tài liệu, chứng cứ hiện có để chứng minh quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện bị xâm phạm. Người khởi kiện bổ sung hoặc giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ khác theo yêu cầu của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Một số tài liệu thường nộp khi khởi kiện tranh chấp về hợp đồng lao động gồm:

+ Căn cước Công dân đối với trường hợp là cá nhân/ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp là doanh nghiệp *(Bản sao y chứng thực);*

+ Hợp đồng Lao động giữa các bên *(Bản sao y chứng thực);*

+ Thông tin liên quan đến việc góp vốn *(Bản sao y chứng thực);*

+ Các tài liệu liên quan khác trong quá trình thực hiện hợp đồng *(Bản sao y chứng thực, nếu có);…*

*(Mẫu đơn chi tiết xem tại Mẫu số 01 tại Mục 8 trình tự thủ tục này)*

**** Gửi đơn kiện đến Tòa án***

Theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định như sau: Người khởi kiện gửi đơn khởi kiện kèm theo tài liệu, chứng cứ mà mình hiện có đến Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án bằng các phương thức sau đây: i) Nộp trực tiếp tại Tòa án; ii) Gửi đến Tòa án theo đường dịch vụ bưu chính; iii) Gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

***Lưu ý:*** Khi sử dụng phương thức nộp đơn khởi kiện này bằng đường bưu điện, thì người khởi kiện cần lưu ý là ghi rõ nội dung Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo vào phần nội dung của bưu thư gửi đi, đồng thời sử dụng dịch vụ báo phát (nghĩa là phía dịch vụ bưu chính sẽ gửi lại vận đơn có chữ của người nhận bưu thư của người khởi kiện) để có căn cứ xác định là phía Tòa án nhân dân đã nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện.

+ Gửi trực tuyến bằng hình thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

- Ngày khởi kiện là ngày đương sự nộp đơn khởi kiện tại Tòa án hoặc ngày được ghi trên dấu của tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi.

Trường hợp không xác định được ngày, tháng, năm theo dấu bưu chính nơi gửi thì ngày khởi kiện là ngày đương sự gửi đơn tại tổ chức dịch vụ bưu chính. Đương sự phải chứng minh ngày mình gửi đơn tại tổ chức dịch vụ bưu chính; trường hợp đương sự không chứng minh được thì ngày khởi kiện là ngày Tòa án nhận được đơn khởi kiện do tổ chức dịch vụ bưu chính chuyển đến.

- Trường hợp người khởi kiện gửi đơn khởi kiện bằng phương thức gửi trực tuyến thì ngày khởi kiện là ngày gửi đơn.

- Trường hợp chuyển vụ án cho Tòa án khác theo quy định tại Điều 41 của BLTTDS năm 2015 thì ngày khởi kiện là ngày gửi đơn khởi kiện đến Tòa án đã thụ lý nhưng không đúng thẩm quyền và được xác định theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 41 BLTTDS năm 2015.

****Thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện***



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luatsugialai.vn

Khi người khởi kiện gửi đơn khởi kiên đến Tòa án nhân dân thì thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện sẽ được thực hiện theo Điều 191 BLTTDS năm 2015 như sau:

- Tòa án nhân dân qua bộ phận tiếp nhận đơn phải nhận đơn khởi kiện do người khởi kiện nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính và phải ghi vào sổ nhận đơn; trường hợp Tòa án nhân dân nhận đơn khởi kiện được gửi bằng phương thức gửi trực tuyến thì Tòa án in ra bản giấy và phải ghi vào sổ nhận đơn.

Các giấy tờ được Tòa án nhân dân gửi cho người khởi kiện khi nộp đơn khởi kiện như sau:

+ Trường hợp nộp đơn trực tiếp tại Tòa án nhân dân: Khi nhận đơn khởi kiện nộp trực tiếp, Tòa án nhân dân có trách nhiệm cấp ngay giấy xác nhận đã nhận đơn cho người khởi kiện.

+ Trường nộp đơn qua dịch vụ bưu chính thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đơn, Tòa án nhân dân phải gửi thông báo nhận đơn cho người khởi kiện.

+ Trường hợp nhận đơn khởi kiện bằng phương thức gửi trực tuyến thì Tòa án nhân dân phải thông báo ngay việc nhận đơn cho người khởi kiện qua Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có).

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khởi kiện, Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán của Tòa án nhân dân xem xét đơn khởi kiện.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày được phân công, Thẩm phán của Tòa án nhân dânphải xem xét đơn khởi kiện và có một trong các quyết định sau đây:

i) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện;

ii) Tiến hành thủ tục thụ lý vụ án theo thủ tục thông thường hoặc theo thủ tục rút gọn nếu vụ án có đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục rút gọn;

iii) Chuyển đơn khởi kiện cho Tòa án có thẩm quyền và thông báo cho người khởi kiện nếu vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khác;

iv) Trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện nếu vụ việc đó không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

+ Trả lại đơn khởi kiện, hậu quả của việc trả lại đơn khởi kiện

****Trả lại đơn khởi kiện, hậu quả của việc trả lại đơn khởi kiện***

Theo quy định tại Điều 192 BLTTDS 2015 quy định thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện trong các trường hợp sau đây:

- Thứ nhất, Người khởi kiện không có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 và Điều 187 của Bộ luật này hoặc không có đủ năng lực hành vi tố tụng dân sự;

- Thứ hai, trường họp chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Chưa có đủ điều kiện khởi kiện là trường hợp pháp luật có quy định về các điều kiện khởi kiện nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến Tòa án khi còn thiếu một trong các điều kiện đó;

- Thứ ba, sự việc đã được giải quyết bằng bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc quyết định đã có hiệu lực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, trừ trường hợp vụ án mà Tòa án bác đơn yêu cầu ly hôn, yêu cầu thay đổi nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng, mức bồi thường thiệt hại, yêu cầu thay đổi người quản lý tài sản, thay đổi người quản lý di sản, thay đổi người giám hộ hoặc vụ án đòi tài sản, đòi tài sản cho thuê, cho mượn, đòi nhà, đòi quyền sử dụng đất cho thuê, cho mượn, cho ở nhờ mà Tòa án chưa chấp nhận yêu cầu và theo quy định của pháp luật được quyền khởi kiện lại;

- Thứ tư, hết thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 195 của Bộ luật này mà người khởi kiện không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, trừ trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí hoặc có trở ngại khách quan, sự kiện bất khả kháng;

- Thứ năm, vụ án không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án;

- Thứ sáu, Người khởi kiện không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo yêu cầu của Thẩm phán quy định tại khoản 2 Điều 193 của BLTTDS năm 2015.

Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng họ không có nơi cư trú ổn định, thường xuyên thay đổi nơi cư trú, trụ sở mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện thì Thẩm phán không trả lại đơn khởi kiện mà xác định người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cố tình giấu địa chỉ và tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện không ghi đầy đủ, cụ thể hoặc ghi không đúng tên, địa chỉ của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà không sửa chữa, bổ sung theo yêu cầu của Thẩm phán thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện;

- Thứ bảy, người khởi kiện rút đơn khởi kiên.

Khi trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện, Thẩm phán phải có văn bản nêu rõ lý do trả lại đơn khởi kiện, đồng thời gửi cho Viện kiểm sát cùng cấp. Đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ mà Thẩm phán trả lại cho người khởi kiện phải được sao chụp và lưu tại Tòa án để làm cơ sở giải quyết khiếu nại, kiến nghị khi có yêu cầu

**** Yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện***

Trường hợp đơn khởi kiện không có đủ các nội dung quy định tại khoản 4 Điều 189 của BLTTDS 2015 thì Thẩm phán thông báo bằng văn bản nêu rõ những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung cho người khởi kiện để họ sửa đổi, bổ sung trong thời hạn do Thẩm phán ấn định nhưng không quá 01 tháng; trường hợp đặc biệt, Thẩm phán có thể gia hạn nhưng không quá 15 ngày. Văn bản thông báo có thể được giao trực tiếp, gửi trực tuyến hoặc gửi cho người khởi kiện qua dịch vụ bưu chính và phải ghi chú vào sổ nhận đơn để theo dõi. Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện không tính vào thời hiệu khởi kiện.

Trường hợp người khởi kiện đã sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 189 của Bộ luật này thì Thẩm phán tiếp tục việc thụ lý vụ án; nếu họ không sửa



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

đổi, bổ sung theo yêu cầu thì Thẩm phán trả lại đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo cho người khởi kiện.

**** Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí:***

Sau khi nhận đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo, nếu xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Thẩm phán phải thông báo ngay cho người khởi kiện biết để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Thẩm phán dự tính số tiền tạm ứng án phí, ghi vào giấy báo và giao cho người khởi kiện để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

Sau khi nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, thì người khởi kiện cầm theo Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí của Tòa án đến Chi Cục thi hành án dân sự hoặc Cục thi hành án dân sự cùng lãnh thổ với Toà án để nộp tiền tạm ứng án phí tương ứng với số tiền ghi trên thông báo này và sau đó mang biên lai thu tiền tạm ứng phí nộp lại cho Tòa án phát thông báo.

Về mức tiền tạm ứng án phí (Điều 7 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14):

- Mức tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong **vụ án dân sự không có giá ngạch bằng mức án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch**. Mức tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự có giá ngạch **bằng 50% mức án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch** mà Tòa án dự tính theo giá trị tài sản có tranh chấp do đương sự yêu cầu giải quyết nhưng tối thiểu không thấp hơn mức án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án dân sự không có giá ngạch.
- Mức tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm trong vụ án dân sự **bằng mức án phí dân sự phúc thẩm.**
- Nếu vụ án lao động được giải quyết theo thủ tục rút gọn thì **mức tạm ứng án phí bằng 50% mức tạm ứng án phí nêu trên.**

Mức án phí sơ thẩm đối với vụ án lao động:

- Đối với tranh chấp lao động không có giá ngạch: 300.000 đồng.
- Đối với tranh chấp về lao động có giá ngạch:
  + Từ 6.000.000 đồng trở xuống: 300.000 đồng
  + Từ trên 6.000.000 đồng đến 400.000.000 đồng: 3% giá trị tranh chấp, nhưng không thấp hơn 300.000 đồng
  + Từ trên 400.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng: 12.000.000 đồng + 2% của phần giá trị có tranh chấp vượt quá 400.000.000 đồng
  + Từ trên 2.000.000.000 đồng: 44.000.000 đồng + 0,1% của phần giá trị có tranh chấp vượt 2.000.000.000 đồng

Mức án phí phúc thẩm đối với vụ án lao động: 300.000 đồng

Trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí, tạm ứng lệ phí, lệ phí Toà án (Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14):



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendanghehuat.vn
Tầng 2, 68 Hàng Bình Nghệ, Yên Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 207 Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsufdvnhcm.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 3, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp Vinh
Luatsuvinhfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
81 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

- Người lao động khởi kiện đòi tiền lương, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, tiền bồi thường về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; giải quyết những vấn đề bồi thường thiệt hại hoặc vì bị sa thải, chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật;
- Người yêu cầu bồi thường về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín.

**5. Lưu ý về giai đoạn hòa giải tại trung tâm đối thoại hòa giải**

***Phương thức hoà giải tại trung tâm đối thoại hoà giải tại Toà án (Điều 22 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020):***

- Hòa giải, đối thoại có thể được tiến hành trong một hoặc nhiều phiên
- Việc hòa giải, đối thoại được tiến hành tại trụ sở Tòa án hoặc có thể ngoài trụ sở Tòa án theo lựa chọn của các bên
- Phiên hòa giải, đối thoại có thể dược thực hiện bằng hình thức trực tiếp hoặc hình thức phù hợp khác theo đề nghị của các bên.
- Hòa giải viên có thể tiến hành hòa giải, đối thoại có mặt các bên hoặc gặp riêng từng bên; yêu cầu mỗi bên trình bày ý kiến của mình về các vấn đề của vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính; đề xuất phương án, giải pháp hòa giải, đối thoại.
- Trường hợp một trong các bên có người đại diện, người phiên dịch thì Hòa giải viên phải mời họ cùng tham gia hòa giải, đối thoại.

***Trình tự, thủ tục thực hiện việc hòa giải tại Tòa án được chia làm 4 giai đoạn như sau:***

**Giai đoạn 1:** Tiến hành phiên hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Căn cứ theo Điều 24 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 quy định như sau:

Khi các bên đồng ý gặp nhau để thống nhất phương án giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính, Hòa giải viên ấn định thời gian, địa điểm tiến hành phiên hòa giải, đối thoại và thông báo cho các bên, người đại diện, người phiên dịch chậm nhất là 05 ngày trước ngày mở phiên hòa giải, đối thoại. Việc thông báo có thể được thực hiện bằng văn bản hoặc hình, thức khác thuận tiện cho các bên.

**Giai đoạn 2:** Tiến hành phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Căn cứ Điều 27 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 quy định:

- Khi các bên đạt được sự thỏa thuận, thống nhất với nhau về việc giải quyết toàn bộ hoặc một phần vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính, Hòa giải viên ấn định thời gian, địa điểm mở phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại.

Phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại có thể được tổ chức ngay sau phiên hòa giải, đối thoại hoặc vào thời gian phù hợp khác.

Hòa giải viên phải thông báo cho những người quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật này.

- Hòa giải viên tiến hành phiên họp ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại trụ sở Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

**Giai đoạn 3:** Ra biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, đối thoại tại Tòa án theo nội dung quy định tại Điều 31 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020.



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai

**Giai đoạn 4:** Ra quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành tại Tòa án. Theo quy định tại Điều 32 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020.

- Sau khi lập biên bản ghi nhận kết quả hòa giải, biên bản ghi nhận kết quả đối thoại, Hòa giải viên chuyển biên bản cùng tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự, khiếu kiện hành chính để ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành trong trường hợp các bên có yêu cầu.

- Thời hạn chuẩn bị ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành là 15 ngày kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản và tài liệu kèm theo.

- Hết thời hạn quy định, Thẩm phán phải ra một trong các quyết định sau đây:

+ Trường hợp có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án 2020 thì Thẩm phán ra quyết định công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành;

+ Trường hợp không có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật này thì Thẩm phán ra quyết định không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành và nêu rõ lý do. Thẩm phán chuyển quyết định, biên bản và tài liệu kèm theo cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật về tố tụng.

- Quyết định công nhận hoặc không công nhận kết quả hòa giải thành, đối thoại thành được gửi cho các bên và Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

***Lưu ý:*** Trường hợp nhận thấy vụ việc không thể hoà giải đối thoại tại trung tâm đối thoại hòa giải người khởi kiện có thể có đơn gửi Toà án có thẩm quyền đề nghị không chuyển vụ án qua trung tâm đối thoại hòa giải.

**6. Lưu ý về thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng lao động**

***6.1. Điều kiện áp dụng*** *(khoản 2 Điều 184 Bộ luât tố tụng dân sự 2015):*

Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.

Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.

***6.2. Quy định pháp luật về thời hiệu khởi kiện hợp đồng lao động***

| | **Thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân** *(Điều 190 Bộ luật lao động 2019)* | **Thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền** *(Điều 194 Bộ luật lao động 2019)* | **Thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích** *(Điều 196 Bộ luật lao động 2019)* |
|---|---|---|---|



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

| | | | |
|---|---|---|---|
| **Yêu cầu hoà giải viên lao động giải quyết** | 06 tháng kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm | 06 tháng kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền hợp pháp của mình bị vi phạm | Không quy định |
| **Yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động giải quyết** | 09 tháng kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm | 09 tháng kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền hợp pháp của mình bị vi phạm | |
| **Yêu cầu Toà án giải quyết** | 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm | 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền hợp pháp của mình bị vi phạm | Không có |

***6.3. Thời điểm yêu cầu áp dụng thời hiệu (****khoản 2 Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015):* trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc.

***6.4. Hậu quả pháp lý khi áp dụng thời hiệu***

Chỉ khi hết thời hiệu khởi kiện và có đương sự yêu cầu áp dụng quy định về thời hiệu trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ án thì Tòa án mới căn cứ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 217 BLTTDS năm 2015 để quyết định đình chỉ giải vụ án. Khi có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó. Như vậy, Tòa án không được tự ý viện dẫn lý do đã hết thời hiệu khởi kiện để đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

**7. Lưu ý về nghĩa vụ cung cấp chứng cứ trong quá trình giải quyết tranh chấp về hợp đồng lao động**

Khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định về nghĩa vụ chứng minh như sau:

*"1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, trừ các trường hợp sau đây:*

*...*

*b) Đương sự là người lao động trong vụ án lao động mà không cung cấp, giao nộp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ vì lý do tài liệu, chứng cứ đó đang do người sử dụng lao động quản lý, lưu giữ thì người sử dụng lao động có trách nhiệm cung cấp, giao nộp tài liệu, chứng cứ đó cho Tòa án.*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendanghehuat.vn
Tầng 2, 68 Hàng Bình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoi@fdvn.vn
Tầng 3, 207 Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsubinhthanh@fdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp Vinh
Luatsuvinh@fdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
81 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

*Người lao động khởi kiện vụ án đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thuộc trường hợp người sử dụng lao động không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc trường hợp không được xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động theo quy định của pháp luật về lao động thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về người sử dụng lao động;*

*c) Các trường hợp pháp luật có quy định khác về nghĩa vụ chứng minh."*

Như vậy đương sự có yêu cầu cần phải nộp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ. Tuy nhiên, do tính chất đặc biệt trong mối quan hệ lao động, để tạo nên sự bình đẳng bảo vệ bên yếu thế hơn là người lao động, quy định nêu trên đặt ra nghĩa vụ cung cấp hay chứng minh cho NSDLĐ trong trường hợp NLĐ không cung cấp được mà NSDLĐ lại đang quản lý, lưu giữ, hay trong vụ án đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động thuộc trường hợp NSDLĐ không được thực hiện quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động hoặc trường hợp không được xử lý kỷ luật lao động đối với NLĐ theo quy định của pháp luật về lao động.

## II. TRÌNH TỰ THỦ TỤC GIẢI QUYẾT THEO THỦ TỤC SƠ THẨM

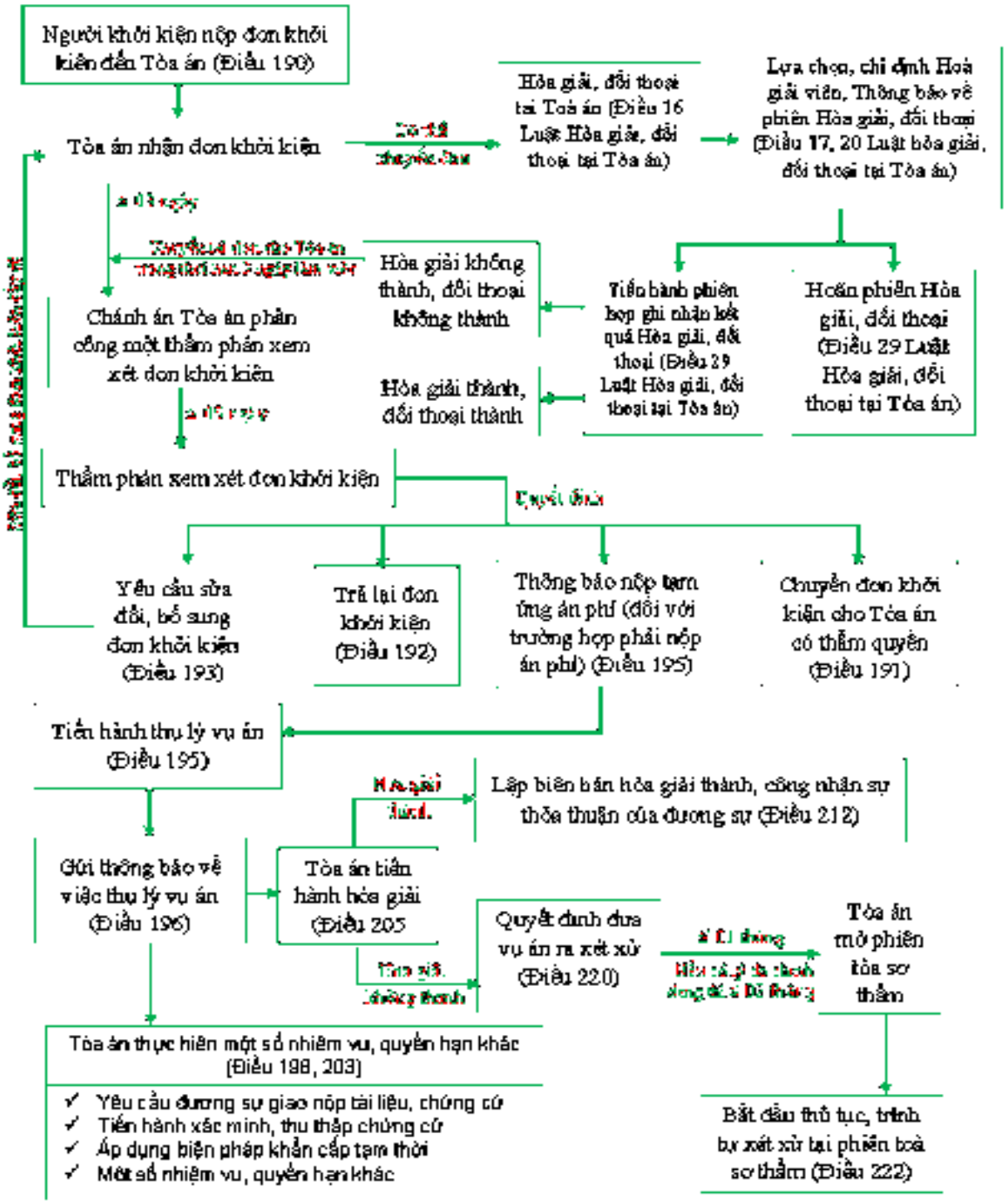




FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaat.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhoanofdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P. Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

**1. Thụ lý vụ án**

Sau khi nhận đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo hợp lệ nếu xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thì Thẩm phán phải thông báo ngay cho người khởi kiện biết để họ đến Tòa án làm thủ tục nộp tiền tạm ứng án phí trong trường hợp họ phải nộp tiền tạm ứng án phí.

Thẩm phán dự tính số tiền tạm ứng án phí, ghi vào giấy báo và giao cho người khởi kiện để họ nộp tiền tạm ứng án phí. Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được giấy báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí, người khởi kiện phải nộp tiền tạm ứng án phí và nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

Thẩm phán thụ lý vụ án khi người khởi kiện nộp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

Trường hợp người khởi kiện được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí thì Thẩm phán phải thụ lý vụ án khi nhận được đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ kèm theo.

**2. Quyền yêu cầu bổ sung đơn kiện, rút một phần, toàn bộ đơn kiện**

Căn cứ Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định các quyền, nghĩa vụ của đương sự như sau:

- Thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện; rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

- Chấp nhận hoặc bác bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Khoản 2 Điều 71 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 về quyền của nguyên đơn: "*Thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện; rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện*".

***Thời điểm đưa ra yêu cầu:*** Nguyên đơn có quyền bổ sung, rút một phần, toàn bộ yêu cầu khởi kiện trong toàn bộ thời gian giải quyết vụ, ngay cả trong phiên tòa sơ thẩm. Cụ thể:

**- Giai đoạn trước khi thụ lý vụ án:** Theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 192 BLTTDS người nộp hồ sơ khởi kiện có quyền rút đơn khởi kiện.

Khi người khởi kiện rút đơn khởi kiện, Thẩm phán được phân công xem xét đơn khởi kiện sẽ trả lại đơn khởi kiện cho người khởi kiện. Trường hợp này đương sự có quyền nộp lại đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 192 BLTTDS 2015.

**- Giai đoạn sau khi Tòa án đã thụ lý vụ án:**

Theo điểm c khoản 1 Điều 217 BLTTDS khi người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Tòa án sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự.

Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự đó là đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự, được trả lại tiền tạm ứng án phí mà đương sự đã nộp và được quyền kháng cáo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự theo Điều 218 BLTTTDS 2015.

**- Giai đoạn tại phiên tòa sơ thẩm**: Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendanghehuat.vn
Tầng 2, 68 Hàng Bình Nghệ, Yên Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 207 Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsufdvnhcm.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp Vinh
Luatsuvinhfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
81 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

đình chỉ xét xử đối phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút theo Khoản 2 Điều 244 BLTTDS 2015.

***Lưu ý:*** Trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nhưng bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố của mình thì bị đơn trở thành nguyên đơn và nguyên đơn trở thành bị đơn[1].

**3. Quyền phản tố, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ phản tố**

Khoản 4 Điều 72 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015 quy định về quyền của bị đơn: "*Đưa ra yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, nếu có liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn hoặc đề nghị đối trừ với nghĩa vụ của nguyên đơn*".

Theo quy định tại Điều 200 BLTTDS năm 2015 quy định:

- Cùng với việc phải nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

- Yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập được chấp nhận khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập;
- Yêu cầu phản tố được chấp nhận dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập;
- Giữa yêu cầu phản tố và yêu cầu của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có sự liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác và nhanh hơn.

- Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

**4. Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải**

*a. Trình tự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ:*

Trước khi tiến hành phiên họp, Thư ký Tòa án báo cáo Thẩm phán về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp đã được Tòa án thông báo. Thẩm phán chủ trì phiên họp kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia, phổ biến cho các đương sự về quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật này.

Khi kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Thẩm phán công bố tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hỏi đương sự về những vấn đề sau đây:

[1] *Khoản 1 Điều 245 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P. Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghean fdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

- Yêu cầu và phạm vi khởi kiện, việc sửa đổi, bổ sung, thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập; những vấn đề đã thống nhất, những vấn đề chưa thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án và việc gửi tài liệu, chứng cứ cho đương sự khác;

- Bổ sung tài liệu, chứng cứ; yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ; yêu cầu Tòa án triệu tập đương sự khác, người làm chứng và người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa;

- Những vấn đề khác mà đương sự thấy cần thiết.

Sau khi các đương sự đã trình bày xong, Thẩm phán xem xét các ý kiến, giải quyết các yêu cầu của đương sự quy định tại khoản 2 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Trường hợp người được Tòa án triệu tập vắng mặt thì Tòa án thông báo kết quả phiên họp cho họ.

*b) Thủ tục tiến hành việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải*

Theo quy định tại khoản 4 Điều 210 BLTTDS năm 2015 quy định về thủ tục tiến hành phiên họp hòa giải, công khai chứng cứ bao gồm các bước như sau:

**Bước 1:** Thẩm phán phổ biến cho các đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án để các đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hòa giải thành để họ tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

**Bước 2:**

- Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày nội dung tranh chấp, bổ sung yêu cầu khởi kiện; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu khởi kiện và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có).

- Bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu phản tố (nếu có); những căn cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu phản tố của mình và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; trình bày yêu cầu độc lập của mình (nếu có); những căn cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn; những căn cứ để bảo vệ yêu cầu độc lập của mình và đề xuất quan điểm về những vấn đề cần hòa giải, hướng giải quyết vụ án (nếu có).

- Người khác tham gia phiên họp hòa giải (nếu có) phát biểu ý kiến.

**Bước 3:** Sau khi các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày hết ý kiến của mình, Thẩm phán xác định những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất và yêu cầu các đương sự trình bày bổ sung về những nội dung chưa rõ, chưa thống nhất.

**Bước 4:** Thẩm phán kết luận về những vấn đề các đương sự đã thống nhất, chưa thống nhất.



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
KhN 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

Trường hợp 1: Hòa giải thành

Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về vấn đề phải giải quyết trong vụ án dân sự thì Tòa án lập biên bản hòa giải thành. Biên bản này được gửi ngay cho các đương sự tham gia hòa giải[2]. Ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:[3]

Hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó thì Thẩm phán chủ trì phiên hòa giải hoặc một Thẩm phán được Chánh án Tòa án phân công phải ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, Tòa án phải gửi quyết định đó cho các đương sự và Viện kiểm sát cùng cấp.

Thẩm phán chỉ ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự nếu các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 mà các đương sự có mặt thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì thỏa thuận đó chỉ có giá trị đối với những người có mặt và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt. Trường hợp thỏa thuận của họ có ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của đương sự vắng mặt thì thỏa thuận này chỉ có giá trị và được Thẩm phán ra quyết định công nhận nếu được đương sự vắng mặt tại phiên hòa giải đồng ý bằng văn bản.

Trường hợp 2: Hòa giải không thành

Nếu các bên không thống nhất được tất cả các vấn đề đang tranh chấp thì Tòa án lập biên bản hòa giải không thành. Sau đó có thể ấn định lịch hòa giải tiếp theo hoặc ra quyết định xét xử vụ án.

**5. Các thủ tục tổ tụng khác có khả năng phát sinh**

**** Thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản***

**a)** Thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ:

Đối với những tranh chấp hợp đồng lao động có đối tượng tranh chấp là bất động sản thì theo yêu cầu của đương sự hoặc khi xét thấy cần thiết, Thẩm phán tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ đối với sự có mặt của đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi có đối tượng cần xem xét, thẩm định và phải báo trước việc xem xét, thẩm định tại chỗ để đương sự biết và chứng kiến việc xem xét, thẩm định đó. Đây là một biện pháp thu thập chứng cứ quan trọng, là căn cứ để giải quyết vụ việc dân sự một cách chính xác, đúng pháp luật, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

*Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*[4]

---

[2] *khoản 5 Điều 211 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[3] *Điều 212 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[4] *Điều 156 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoaiminhfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoaiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

- Người yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ phải nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của Tòa án.

- Trường hợp Tòa án xét thấy cần thiết và quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ thì nguyên đơn, người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người kháng cáo theo thủ tục phúc thẩm phải nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

*Nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ*[5]

Trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ được xác định như sau:

- Đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận.

**b)** Định giá tài sản[6]

Đương sự có quyền cung cấp giá tài sản đang tranh chấp; thỏa thuận về giá tài sản đang tranh chấp. Các đương sự có quyền thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để thực hiện việc thẩm định giá tài sản và cung cấp kết quả thẩm định giá cho Tòa án. Việc thẩm định giá tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật về thẩm định giá tài sản.

Tòa án ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Theo yêu cầu của một hoặc các bên đương sự;

b) Các đương sự không thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản hoặc đưa ra giá tài sản khác nhau hoặc không thỏa thuận được giá tài sản;

c) Các bên thỏa thuận với nhau hoặc với tổ chức thẩm định giá tài sản theo mức giá thấp so với giá thị trường nơi có tài sản định giá tại thời điểm định giá nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba hoặc có căn cứ cho thấy tổ chức thẩm định giá tài sản đã vi phạm pháp luật khi thẩm định giá.

*Nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản*[7]

Trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản được xác định như sau:

- Người yêu cầu định giá tài sản phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản.

- Trường hợp các bên đương sự không thống nhất được về giá và cùng yêu cầu Tòa án định giá tài sản thì mỗi bên đương sự phải nộp một nửa tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản. Trường hợp có nhiều đương sự, thì các bên đương sự cùng phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản theo mức mà Tòa án quyết định.

- Nguyên đơn, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản khi Tòa án ra quyết định định giá tài sản và thành lập Hội đồng định giá theo quy định.

---

[5] *Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015*
[6] *Điều 104 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*
[7] *Điều 164 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanofdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

*Nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, thẩm định giá:*

Trường hợp các bên đương sự không có thỏa thuận khác hoặc pháp luật không có quy định khác thì nghĩa vụ chịu chi phí định giá tài sản, thẩm định giá được xác định như sau:

- Đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản nếu yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận.

- Đương sự phải chịu chi phí định giá tài sản nếu kết quả định giá chứng minh quyết định định giá tài sản của Tòa án là có căn cứ;

- Tòa án trả chi phí định giá tài sản nếu kết quả định giá tài sản chứng minh quyết định định giá tài sản của Tòa án là không có căn cứ;

**c)** Hậu quả khi không nộp tiền tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ, định giá tài sản[8]:

Trường hợp nguyên đơn không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự

Trường hợp bị đơn có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập không nộp tiền tạm ứng chi phí định giá tài sản và chi phí tố tụng khác theo quy định của Bộ luật này thì Tòa án đình chỉ việc giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

*** Đối với Tranh chấp có đương sự ở nước ngoài[9]:**

- Người khởi kiện, người yêu cầu phải ghi đầy đủ họ, tên, địa chỉ, quốc tịch của đương sự ở nước ngoài trong đơn khởi kiện, đơn yêu cầu kèm theo giấy tờ, tài liệu xác thực họ, tên, địa chỉ, quốc tịch của đương sự đó.

Trường hợp không ghi đầy đủ họ, tên, địa chỉ, quốc tịch của đương sự ở nước ngoài hoặc thiếu những nội dung trên thì phải bổ sung trong thời hạn do Tòa án ấn định, hết thời hạn đó mà không cung cấp được thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu.

- Trường hợp không xác định được địa chỉ của đương sự ở nước ngoài thì người khởi kiện, người yêu cầu có thể yêu cầu Tòa án Việt Nam đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác định địa chỉ của đương sự hoặc có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú hoặc yêu cầu Tòa án Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tuyên bố đương sự mất tích hoặc đã chết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trả lời cho Tòa án Việt Nam không xác định được địa chỉ của đương sự ở nước ngoài hoặc sau 06 tháng mà không có trả lời thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu.

---

[8] *Điểm đ, Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*
[9] *Điều 473 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaat.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanofdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoanfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

*Thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự công nhận giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cho Tòa án Việt Nam*[10]

+ Tòa án Việt Nam công nhận giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nước ngoài lập, cấp, xác nhận trong các trường hợp sau:

- Giấy tờ, tài liệu và bản dịch tiếng Việt có công chứng, chứng thực đã được hợp pháp hóa lãnh sự;

- Giấy tờ, tài liệu đó được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

+ Tòa án Việt Nam công nhận giấy tờ, tài liệu do cá nhân cư trú ở nước ngoài lập trong các trường hợp sau đây:

- Giấy tờ, tài liệu lập bằng tiếng nước ngoài đã được dịch ra tiếng Việt có công chứng, chứng thực hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam;

- Giấy tờ, tài liệu được lập ở nước ngoài được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật nước ngoài và đã được hợp pháp hóa lãnh sự;

- Giấy tờ, tài liệu do công dân Việt Nam ở nước ngoài lập bằng tiếng Việt có chữ ký của người lập giấy tờ, tài liệu đó và đã được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

*** Thủ tục giám định tài liệu, chữ ký**[11]

Đương sự có quyền yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định hoặc tự mình yêu cầu giám định sau khi đã đề nghị Tòa án trưng cầu giám định nhưng Tòa án từ chối yêu cầu của đương sự. Quyền tự yêu cầu giám định được thực hiện trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục sơ thẩm, quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự.

*Hồ sơ yêu cầu giám định:*

- Người yêu cầu giám định phải gửi văn bản yêu cầu giám định kèm theo đối tượng giám định, các tài liệu, đồ vật có liên quan (nếu có) và bản sao giấy tờ chứng minh mình là đương sự trong vụ án tranh chấp hợp đồng lao động hoặc người đại diện hợp pháp của họ đến cá nhân, tổ chức thực hiện giám định.

- Văn bản yêu cầu giám định tư pháp phải có các nội dung sau đây:

+ Tên tổ chức hoặc họ, tên người yêu cầu giám định;

+ Nội dung yêu cầu giám định;

+ Tên và đặc điểm của đối tượng giám định;

+ Tên tài liệu có liên quan hoặc mẫu so sánh gửi kèm theo (nếu có);

+ Ngày, tháng, năm yêu cầu giám định và thời hạn trả kết luận giám định;

+ Chữ ký, họ, tên người yêu cầu giám định.

---

[10] *Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*
[11] *Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*

Hiện nay, pháp luật không quy định cụ thể chi phí giám định tư pháp là bao nhiêu mà theo khoản 20 Điều 1 Luật Giám định tư pháp sửa đổi năm 2020, người yêu cầu hoặc trưng cầu giám định phải trả phí giám định cho cá nhân, tổ chức thực hiện.

**6. Thời hạn chuẩn bị xét xử**

Thời hạn chuẩn bị xét xử các loại vụ án, trừ các vụ án được xét xử theo thủ tục rút gọn hoặc vụ án có yếu tố nước ngoài, được quy định như sau:

a) Đối với các vụ án quy định tại Điều 26 của BLTTDS năm 2015 thì thời hạn là 04 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án;

b) Đối với các vụ án quy định tại Điều 30 BLTTDS năm 2015 thì thời hạn là 02 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án.

Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 02 tháng đối với vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này và không quá 01 tháng đối với vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

Trường hợp có quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử được tính lại kể từ ngày quyết định tiếp tục giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Đối với vụ án có yếu tố nước ngoài thì thời hạn mở phiên tòa, phiên họp hòa giải được xác định như sau[12]:

- Phiên họp hòa giải phải được mở sớm nhất là 06 tháng và chậm nhất là 08 tháng, kể từ ngày ra văn bản thông báo thụ lý vụ án. Ngày mở lại phiên họp hòa giải (nếu có) được ấn định cách ngày mở phiên họp hòa giải chậm nhất là 01 tháng;

- Phiên tòa phải được mở sớm nhất là 09 tháng và chậm nhất là 12 tháng, kể từ ngày ra văn bản thông báo thụ lý vụ án. Ngày mở lại phiên tòa (nếu có) được ấn định cách ngày mở phiên tòa chậm nhất là 01 tháng, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Tuy nhiên, trên thực tế thông thường thời gian chuẩn bị xét xử có thể bị kéo dài do phát sinh những thủ tục tố tụng khác hoặc do các yếu tố khách quan thực tế khi giải quyết vụ án.

**7. Trình tự tổ chức phiên tòa sơ thẩm:**

**<u>Phần 1:</u> Chuẩn bị khai mạc phiên tòa**[13]

Trước khi khai mạc phiên tòa, Thư ký phiên tòa phải tiến hành các công việc sau đây:

- Phổ biến nội quy phiên tòa.

- Kiểm tra, xác định sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; nếu có người vắng mặt thì phải làm rõ lý do.

- Ổn định trật tự trong phòng xử án.

---

[12] Khoản 2 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
[13] *Điều 237 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelua.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luawgialai.vn

- Yêu cầu mọi người trong phòng xử án đứng dậy khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án.

Lưu ý khi đi tới Tòa cần mang theo:

- Căn cước công dân;

- Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thông báo của Tòa án đúng ngày giờ;

- Các hồ sơ cần thiết trong vụ án.

**Phần 2: Khai mạc phiên tòa**[14]

Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa và đọc quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Thư ký phiên tòa báo cáo Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và lý do vắng mặt.

- Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án và kiểm tra căn cước của đương sự, người tham gia tố tụng khác.

- Chủ tọa phiên tòa phổ biến quyền, nghĩa vụ của đương sự và của người tham gia tố tụng khác.

- Chủ toạ phiên tòa giới thiệu họ, tên những người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch.

- Chủ tọa phiên tòa hỏi những người có quyền yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch xem họ có yêu cầu thay đổi ai không.

- Yêu cầu người làm chứng cam kết khai báo đúng sự thật, nếu khai không đúng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trừ trường hợp người làm chứng là người chưa thành niên.

- Yêu cầu người giám định, người phiên dịch cam kết cung cấp kết quả giám định chính xác, phiên dịch đúng nội dung cần phiên dịch.

**Lưu ý:** Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất, đương sự hoặc người đại diện của họ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phải có mặt tại phiên tòa; nếu có người vắng mặt thì Hội đồng xét xử phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp người đó có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tòa án phải thông báo cho đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự về việc hoãn phiên tòa[15].

- Hỏi đương sự về việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu.

+ Hỏi nguyên đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện hay không.

+ Hỏi bị đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố hay không.

---

[14] *Điều 239 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[15] *khoản 1, Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelua.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luatsugialai.vn

+ Hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu độc lập hay không.

*Xem xét việc thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu*

- Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu.

- Trường hợp có đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đương sự đã rút.

- Chủ tọa phiên tòa hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không; trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của họ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội thì Hội đồng xét xử ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

**<u>Phần 3:</u> Tranh tụng tại phiên tòa**

***[1]. Trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự***

Trường hợp có đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình và các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án thì các đương sự trình bày theo trình tự sau đây:

a) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp. Nguyên đơn có quyền bổ sung ý kiến.

Trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện vụ án thì đại diện cơ quan, tổ chức trình bày về yêu cầu và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp;

b) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp. Bị đơn có quyền bổ sung ý kiến;

c) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với yêu cầu, đề nghị của nguyên đơn, bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền bổ sung ý kiến.

2. Trường hợp nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình thì họ tự trình bày về yêu cầu, đề nghị của mình và chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị đó là có căn cứ và hợp pháp.

3. Tại phiên tòa, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chỉ có quyền bổ sung chứng cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để chứng minh cho yêu cầu, đề nghị của mình.



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanofdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

***[2]. Thứ tự và nguyên tắc hỏi tại phiên tòa***[16]

Sau khi nghe xong lời trình bày của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự theo quy định tại Điều 248 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, theo sự điều hành của chủ tọa phiên tòa, thứ tự hỏi của từng người được thực hiện như sau:

*Thứ nhất*, Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn hỏi trước, tiếp đến bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, sau đó là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

*Thứ hai,* Những người tham gia tố tụng khác;

*Thứ ba,* Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân;

*Thứ tư,* Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Việc đặt câu hỏi phải rõ ràng, nghiêm túc, không trùng lắp, không lợi dụng việc hỏi và trả lời để xâm phạm danh dự, nhân phẩm của những người tham gia tố tụng.

***Hỏi nguyên đơn***[17]

Trường hợp có nhiều nguyên đơn thì phải hỏi riêng từng nguyên đơn.

Chỉ hỏi nguyên đơn về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với lời trình bày của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này.

Nguyên đơn có thể tự mình trả lời hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trả lời thay cho nguyên đơn và sau đó nguyên đơn trả lời bổ sung.

***Hỏi bị đơn***[18]

Trường hợp có nhiều bị đơn thì phải hỏi riêng từng bị đơn.

Chỉ hỏi bị đơn về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, bị đơn trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với yêu cầu, lời trình bày của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này.

Bị đơn có thể tự mình trả lời hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trả lời thay cho bị đơn và sau đó bị đơn trả lời bổ sung.

***Hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***[19]

Trường hợp có nhiều người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì phải hỏi riêng từng người một.

---

[16] *Điều 249 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[17] *Điều 250 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[18] *Điều 251 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[19] *Điều 252 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

Chỉ hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về những vấn đề mà họ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trình bày chưa rõ, có mâu thuẫn với nhau hoặc mâu thuẫn với lời khai của họ trước đó, mâu thuẫn với yêu cầu, đề nghị, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của những người này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có thể tự mình trả lời hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trả lời thay cho họ và sau đó họ trả lời bổ sung.

***Hỏi người làm chứng, Hỏi người giám định***[20]

***Kết thúc việc hỏi tại phiên tòa***

Khi nhận thấy các tình tiết của vụ án đã được xem xét đầy đủ thì chủ tọa phiên tòa hỏi Kiểm sát viên, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và những người tham gia tố tụng khác xem họ có yêu cầu hỏi vấn đề gì nữa không; trường hợp có người yêu cầu và xét thấy yêu cầu đó là có căn cứ thì chủ tọa phiên tòa quyết định tiếp tục việc hỏi.

***Tranh luận***

***Trình tự phát biểu khi tranh luận*** [21]

Sau khi kết thúc việc hỏi, Hội đồng xét xử chuyển sang phần tranh luận tại phiên tòa. Trình tự phát biểu khi tranh luận được thực hiện như sau:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày. Nguyên đơn có quyền bổ sung ý kiến. Trường hợp cơ quan, tổ chức khởi kiện thì đại diện cơ quan, tổ chức trình bày ý kiến. Người có quyền và lợi ích hợp pháp được bảo vệ có quyền bổ sung ý kiến;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận, đối đáp. Bị đơn có quyền bổ sung ý kiến;

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền bổ sung ý kiến;

- Các đương sự đối đáp theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa;

- Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng xét xử có thể yêu cầu các đương sự tranh luận bổ sung về những vấn đề cụ thể để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Trường hợp nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp thì họ tự mình trình bày khi tranh luận.

Trường hợp vắng mặt một trong các đương sự và người tham gia tố tụng khác thì chủ tọa phiên tòa phải công bố lời khai của họ để trên cơ sở đó các đương sự có mặt tại phiên tòa tranh luận và đối đáp.

***Phát biểu khi tranh luận và đối đáp***[22]

Khi phát biểu về đánh giá chứng cứ, đề xuất quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án, người tham gia tranh luận phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được và đã được

---

[20] *Điều 253, 257 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*
[21] *Điều 260 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[22] *Điều 261 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoeliminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

xem xét, kiểm tra tại phiên tòa cũng như kết quả việc hỏi tại phiên tòa. Người tham gia tranh luận có quyền đáp lại ý kiến của người khác.

***Phát biểu của Kiểm sát viên***[23]

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp xong, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Ngay sau khi kết thúc phiên tòa, Kiểm sát viên phải gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ án.

***Trở lại việc hỏi và tranh luận***[24]

Qua tranh luận, nếu xét thấy có tình tiết của vụ án chưa được xem xét, việc xem xét chưa được đầy đủ hoặc cần xem xét thêm chứng cứ thì Hội đồng xét xử quyết định trở lại việc hỏi và tranh luận.

**Tạm ngưng phiên tòa** (trường hợp nào, thời gian tạm ngưng, …)[25]

Trong quá trình xét xử, Hội đồng xét xử có quyền quyết định tạm ngừng phiên tòa khi có một trong các căn cứ sau đây:

- Do tình trạng sức khỏe hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan khác mà người tiến hành tố tụng không thể tiếp tục tiến hành phiên tòa, trừ trường hợp thay thế được người tiến hành tố tụng;

- Do tình trạng sức khỏe hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan khác mà người tham gia tố tụng không thể tiếp tục tham gia phiên tòa, trừ trường hợp người tham gia tố tụng có yêu cầu xét xử vắng mặt;

- Cần phải xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ mà nếu không thực hiện thì không thể giải quyết được vụ án và không thể thực hiện được ngay tại phiên tòa;

- Chờ kết quả giám định bổ sung, giám định lại;

- Các đương sự thống nhất đề nghị Tòa án tạm ngừng phiên tòa để họ tự hòa giải;

- Cần phải báo cáo Chánh án Tòa án để đề nghị sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Điều 221 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc tạm ngừng phiên tòa phải được ghi vào biên bản phiên tòa. Thời hạn tạm ngừng phiên tòa là không quá 01 tháng, kể từ ngày Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Hết thời hạn này, nếu lý do để ngừng phiên tòa không còn thì Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành phiên tòa; nếu lý do để ngừng phiên tòa chưa được khắc phục thì Hội đồng xét xử ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự. Hội đồng xét xử phải thông báo bằng văn bản cho những người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát cùng cấp về thời gian tiếp tục phiên tòa.

---

[23] *Điều 262 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[24] *Điều 263 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[25] *Điều 259 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghehuat.vn
Tầng 2, 68 Hàng Bình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 4, 207A Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhochiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 3, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp Vinh
Luatsuvinhfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
81 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

**Phần 4: Nghị án và tuyên án**

***Nghị án***

Sau khi kết thúc phần tranh luận, Hội đồng xét xử vào phòng nghị án để nghị án.

Chỉ có các thành viên Hội đồng xét xử mới có quyền nghị án. Khi nghị án, các thành viên Hội đồng xét xử phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì còn phải căn cứ vào tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng, để giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án bằng cách biểu quyết theo đa số về từng vấn đề. Hội thẩm nhân dân biểu quyết trước, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa biểu quyết sau cùng. Người có ý kiến thiểu số có quyền trình bày ý kiến của mình bằng văn bản và được đưa vào hồ sơ vụ án.

Khi nghị án phải có biên bản ghi lại các ý kiến đã thảo luận và quyết định của Hội đồng xét xử. Biên bản nghị án phải được các thành viên Hội đồng xét xử ký tên tại phòng nghị án trước khi tuyên án.

Trường hợp vụ án có nhiều tình tiết phức tạp, việc nghị án đòi hỏi phải có thời gian dài thì Hội đồng xét xử có thể quyết định thời gian nghị án nhưng không quá 05 ngày làm việc, kể từ khi kết thúc tranh luận tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử phải thông báo cho những người có mặt tại phiên tòa và người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa về giờ, ngày và địa điểm tuyên án. Trường hợp Hội đồng xét xử đã thực hiện việc thông báo mà có người tham gia tố tụng vắng mặt vào ngày, giờ và địa điểm tuyên án thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành việc tuyên án theo quy định tại Điều 267 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

***Tuyên án***[26]

Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án với sự có mặt của các đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức và cá nhân khởi kiện. Trường hợp đương sự có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án hoặc vắng mặt trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 264 của Bộ luật này thì Hội đồng xét xử vẫn tuyên đọc bản án.

Khi tuyên án, mọi người trong phòng xử án phải đứng dậy, trừ trường hợp đặc biệt được sự đồng ý của chủ tọa phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa hoặc một thành viên khác của Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án và có thể giải thích thêm về việc thi hành bản án và quyền kháng cáo.

Trường hợp Tòa án xét xử kín theo quy định tại khoản 2 Điều 15 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Hội đồng xét xử chỉ tuyên công khai phần mở đầu và phần quyết định của bản án.

Trường hợp đương sự cần có người phiên dịch thì người phiên dịch phải dịch lại cho họ nghe toàn bộ bản án hoặc phần mở đầu và phần quyết định của bản án được tuyên công khai.

---

[26] *Điều 267 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelua.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

***Bản án sơ thẩm***[27]

Tòa án ra bản án nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Bản án gồm có phần mở đầu, phần nội dung vụ án và nhận định và phần quyết định của Tòa án, cụ thể như sau:

- Trong phần mở đầu phải ghi rõ tên Tòa án xét xử sơ thẩm; số và ngày thụ lý vụ án; số bản án và ngày tuyên án; họ, tên của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, Kiểm sát viên, người giám định, người phiên dịch; tên, địa chỉ của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện; người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; đối tượng tranh chấp; số, ngày, tháng, năm của quyết định đưa vụ án ra xét xử; xét xử công khai hoặc xét xử kín; thời gian và địa điểm xét xử;

- Trong phần nội dung vụ án và nhận định của Tòa án phải ghi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về các tình tiết của vụ án, những căn cứ pháp luật, nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì còn phải căn cứ vào tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng, để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và giải quyết các vấn đề khác có liên quan;

- Trong phần quyết định phải ghi rõ các căn cứ pháp luật, quyết định của Hội đồng xét xử về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó.

Khi xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì Tòa án phải giải quyết vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy và ghi rõ trong bản án.

***Cấp trích lục bản án; giao, gửi bản án***[28]

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên tòa, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện được Tòa án cấp trích lục bản án.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tuyên án, Tòa án phải giao hoặc gửi bản án cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp.

Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật của Tòa án giải quyết vụ án dân sự bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng do tổ chức xã hội tham gia bảo vệ người tiêu dùng khởi kiện phải được

[27] *Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*
[28] *Khoản 2 Điều 269 Bộ Luật tố tụng dân sự 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendanghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hàng Bình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoi.vn
Tầng 3, 207 Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhochiminh.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 3, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp Vinh
Luatsuvinh.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
81 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

niêm yết công khai tại trụ sở Tòa án và công bố công khai trên một trong các báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương trong ba số liên tiếp.

Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật của Tòa án có liên quan đến trách nhiệm bồi thường của Nhà nước phải được Tòa án cấp sơ thẩm gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về bồi thường nhà nước.

Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật của Tòa án có liên quan đến việc thay đổi hộ tịch của cá nhân phải được Tòa án cấp sơ thẩm thông báo bằng văn bản kèm theo trích lục bản án cho Ủy ban nhân dân nơi đã đăng ký hộ tịch của cá nhân đó theo quy định của Luật hộ tịch.

Thời hạn niêm yết, công bố, gửi bản án, thông báo quy định tại khoản này là 05 ngày làm việc, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật của Tòa án được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có), trừ bản án, quyết định của Tòa án có chứa thông tin quy định tại khoản 2 Điều 109 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

***Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm***[29]

- Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của họ không được Tòa án chấp nhận, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí sơ thẩm.

- Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

- Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận.

- Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Tòa án chấp nhận.

- Bị đơn có yêu cầu phản tố phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu phản tố không được Tòa án chấp nhận. Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu phản tố của bị đơn được Tòa án chấp nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu độc lập không được Tòa án chấp nhận. Người có nghĩa vụ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo phần yêu cầu độc lập được Tòa án chấp nhận.

- Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải trước khi mở phiên tòa thì phải chịu 50% mức án phí, kể cả đối với các vụ án không có giá ngạch.

- Trường hợp các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa sơ thẩm thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp xét xử vụ án đó. Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại

[29] *Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luatsugialai.vn

phiên tòa xét xử theo thủ tục rút gọn quy định tại khoản 3 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự thì các đương sự phải chịu 50% án phí giải quyết vụ án theo thủ tục rút gọn.

- Trong vụ án có người không phải chịu án phí hoặc được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm thì những người khác vẫn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

- Trường hợp vụ án bị tạm đình chỉ giải quyết thì nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được quyết định khi vụ án được tiếp tục giải quyết theo quy định.

- Nguyên đơn trong vụ án dân sự do cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền, lợi ích của người khác không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

## III. TRÌNH TỰ GIẢI QUYẾT THEO THỦ TỤC XÉT XỬ PHÚC THẨM

### 1. Điều kiện phát sinh thủ tục xét xử phúc thẩm

Xét xử phúc thẩm là việc Tòa án cấp phúc thẩm trực tiếp xét xử lại vụ án mà bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị.

### 2. Người có quyền kháng cáo và lưu ý về đơn kháng cáo, nộp đơn kháng cáo, tạm ứng án phí phúc thẩm

Đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm, quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự, quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

**Lưu ý:**

*Đối với đơn khơn kháng cáo: (Mẫu đơn chi tiết xem tại Mẫu số 02 tại Mục 8 trình tự thủ tục này)*

Đơn kháng cáo phải có các nội dung chính sau đây:

- Ngày, tháng, năm làm đơn kháng cáo;
- Tên, địa chỉ; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của người kháng cáo;
- Kháng cáo toàn bộ hoặc phần của bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật;
- Lý do của việc kháng cáo và yêu cầu của người kháng cáo;
- Chữ ký hoặc điểm chỉ của người kháng cáo.

Đơn kháng cáo phải được gửi cho Tòa án cấp sơ thẩm đã ra bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo. Trường hợp đơn kháng cáo được gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm thì Tòa án đó phải chuyển cho Tòa án cấp sơ thẩm để tiến hành các thủ tục cần thiết theo quy định của Bộ luật này.

Kèm theo đơn kháng cáo, người kháng cáo phải gửi tài liệu, chứng cứ bổ sung (nếu có) để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp.

*Nộp đơn kháng cáo:*

- Người kháng cáo nếu không tự mình kháng cáo thì có thể ủy quyền cho người khác đại diện cho mình kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo, của người kháng cáo ủy quyền kháng cáo; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của người kháng cáo ủy quyền kháng cáo và văn bản ủy quyền. Ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền phải ký tên hoặc điểm chỉ.

- Người đại diện theo pháp luật của đương sự là cơ quan, tổ chức có thể tự mình làm đơn kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi tên, địa chỉ; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của đương sự là cơ quan, tổ chức; họ, tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của đương sự là cơ quan, tổ chức. Ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo pháp luật phải ký tên và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó, trường hợp doanh nghiệp kháng cáo thì việc sử dụng con dấu theo quy định của Luật doanh nghiệp.

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức ủy quyền cho người khác kháng cáo thì tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền, của đương sự là cơ quan, tổ chức ủy quyền; số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử (nếu có) của đương sự là cơ quan, tổ chức ủy quyền; họ, tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của đương sự là cơ quan, tổ chức đó và văn bản ủy quyền. Ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền phải ký tên hoặc điểm chỉ.

Người đại diện theo pháp luật của đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự có thể tự mình làm đơn kháng cáo. Tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật; họ, tên, địa chỉ của đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự. Ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo pháp luật phải ký tên hoặc điểm chỉ.

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật của đương sự ủy quyền cho người khác đại diện cho mình kháng cáo thì tại mục tên, địa chỉ của người kháng cáo trong đơn phải ghi họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo ủy quyền và văn bản ủy quyền; họ, tên, địa chỉ của người đại diện theo pháp luật của đương sự ủy quyền; họ, tên, địa chỉ của đương sự là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự. Ở phần cuối đơn kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền phải ký tên hoặc điểm chỉ.

- Việc ủy quyền phải được làm thành văn bản có công chứng, chứng thực hợp pháp, trừ trường hợp văn bản ủy quyền đó được lập tại Tòa án có sự chứng kiến của Thẩm phán hoặc người được Chánh án Tòa án phân công. Trong văn bản ủy quyền phải có nội dung đương sự ủy quyền cho người đại diện theo ủy quyền kháng cáo bản án, quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm.

*Thời hạn kháng cáo:*

- Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

Đối với trường hợp đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện đã tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt khi Tòa án tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày tuyên án.

- Thời hạn kháng cáo đối với quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm là 07 ngày, kể từ ngày đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật này.

- Đối với các đương sự cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án, quyết định được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án, quyết định được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt đương sự ở nước ngoài thuộc trường hợp Tòa án không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện việc tống đạt cho đương sự ở nước ngoài thì thời hạn kháng cáo là 12 tháng, kể từ ngày tuyên án.[30]

Trường hợp đơn kháng cáo được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày kháng cáo được xác định căn cứ vào ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu ở phong bì. Trường hợp người kháng cáo đang bị tạm giam thì ngày kháng cáo là ngày đơn kháng cáo được giám thị trại giam xác nhận.

**Lưu ý:** *Trường hợp đơn kháng cáo được gửi qua dịch vụ bưu chính thì ngày kháng cáo được xác định căn cứ vào ngày tổ chức dịch vụ bưu chính nơi gửi đóng dấu ở phong bì. Trường hợp người kháng cáo đang bị tạm giam thì ngày kháng cáo là ngày đơn kháng cáo được giám thị trại giam xác nhận.*

*Tạm ứng án phí phúc thẩm*

Sau khi chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ, Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo cho người kháng cáo biết để họ nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, nếu họ không thuộc trường hợp được miễn hoặc không phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về việc nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, người kháng cáo phải nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm và nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Hết thời hạn này mà người kháng cáo không nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm thì được coi là từ bỏ việc kháng cáo, trừ trường hợp có lý do chính đáng.

Sau khi chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ, Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo ngay bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và đương sự có liên quan đến kháng cáo biết về việc kháng cáo kèm theo bản sao đơn kháng cáo, tài liệu, chứng cứ bổ sung mà người kháng cáo gửi kèm đơn kháng cáo.

### 3. Thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm

- Trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án, tùy từng trường hợp, Tòa án cấp phúc thẩm ra một trong các quyết định sau đây:

- Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án;

[30] Khoản 2, khoản 3 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelua.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án;
- Đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án cấp phúc thẩm có thể quyết định kéo dài thời hạn chuẩn bị xét xử, nhưng không được quá 01 tháng.

- Trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án phải mở phiên tòa phúc thẩm; trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là 02 tháng.

- Trường hợp có quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm được tính lại kể từ ngày quyết định tiếp tục giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

**4. Những vấn đề phát sinh rút đơn kháng cáo, thay đổi, bổ sung đơn kháng cáo**

Theo quy định tại khoản 1 Điều 284 BLTTDS năm 2015 có quy định về quyền thay đổi, bổ sung đơn kháng cáo:

- Trường hợp chưa hết thời hạn kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật này thì người đã kháng cáo có quyền thay đổi, bổ sung kháng cáo mà không bị giới hạn bởi phạm vi kháng cáo ban đầu.

- Trước khi bắt đầu phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo có quyền rút kháng cáo.

Như vậy, theo quy định nêu trên, trong tố tụng dân sự thì người kháng cáo trong vụ án dân sự được quyền thay đổi, bổ sung khi đang còn thời hạn kháng cáo nghĩa trong vòng 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc kể từ ngày nhận được bản án đối với đương sự, đại diện cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân khởi kiện không tham gia phiên tòa. Còn đối với việc rút đơn kháng cáo, thì người kháng cáo được quyền rút đơn kháng cáo, dù tòa đã thụ lý đơn kháng cáo, kể cả ngay tại phiên tòa xét xử vụ án phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với những phần của vụ án mà người kháng cáo đã rút kháng cáo, việc đình chỉ xét xử phúc thẩm trước khi mở phiên tòa do Thẩm phán chủ tọa phiên tòa quyết định, tại phiên tòa do Hội đồng xét xử quyết định.

*Nghĩa vụ chịu án phí dân sự phúc thẩm*[31]

Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo thì đương sự kháng cáo liên quan đến phần bản án, quyết định phải sửa không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm phải xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[31] *Điều 29 ghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luawgialai.vn

Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo để xét xử sơ thẩm lại thì đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Đương sự rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm. Đương sự rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm thì đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, về án phí dân sự sơ thẩm, nếu các đương sự tự thỏa thuận được với nhau thì các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì Tòa án xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

Trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa phúc thẩm hoặc tại phiên tòa phúc thẩm và được bị đơn đồng ý thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm.

**5. Trình tự tổ chức phiên tòa phúc thẩm**

**Phần 1: Chuẩn bị khai mạc phiên tòa phúc thẩm và thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm**

Tương tự phần Chuẩn bị khai mạc phiên tòa và Khai mạc phiên tòa ở phiên tòa Sơ thẩm.

**Phần 2: Hỏi về việc kháng cáo, kháng nghị và xử lý việc thay đổi kháng cáo, kháng nghị tại phiên tòa**

Sau khi kết thúc thủ tục bắt đầu phiên tòa phúc thẩm thì một thành viên của Hội đồng xét xử phúc thẩm công bố nội dung vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm và nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Chủ tọa phiên tòa hỏi về các vấn đề sau đây:

a) Hỏi nguyên đơn có rút đơn khởi kiện hay không;

b) Hỏi người kháng cáo, Kiểm sát viên có thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo, kháng nghị hay không;

c) Hỏi các đương sự có thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay không.

Trường hợp người kháng cáo rút một phần kháng cáo, Viện kiểm sát rút một phần kháng nghị thì Tòa án chấp nhận việc rút kháng cáo, kháng nghị. Trường hợp người kháng cáo, Viện kiểm sát bổ sung nội dung mới vượt quá phạm vi kháng cáo, kháng nghị ban đầu thì Tòa án không xem xét nội dung đó.

***Nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm***[32]

[32] *Điều 299 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

Trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa phúc thẩm, nếu nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì Hội đồng xét xử phúc thẩm phải hỏi bị đơn có đồng ý hay không và tuỳ từng trường hợp mà giải quyết như sau:

a) Bị đơn không đồng ý thì không chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn;

b) Bị đơn đồng ý thì chấp nhận việc rút đơn khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử phúc thẩm ra quyết định hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án. Trong trường hợp này, các đương sự vẫn phải chịu án phí sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phải chịu một nửa án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Và nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án theo thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

**Phần 3: Tranh tụng**

***[1]. Nội dung và phương thức tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm***

Tranh tụng tại phiên tòa bao gồm việc trình bày chứng cứ, hỏi, đối đáp, trả lời và phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ, tình tiết của vụ án dân sự, quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng để giải quyết yêu cầu của các đương sự trong vụ án.

Việc tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành theo sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.

Chủ tọa phiên tòa không được hạn chế thời gian tranh tụng, tạo điều kiện cho những người tham gia tranh tụng trình bày hết ý kiến nhưng có quyền yêu cầu họ dừng trình bày những ý kiến không có liên quan đến vụ án dân sự.

***[2]. Trình bày của đương sự, Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm***

Trường hợp có đương sự vẫn giữ kháng cáo thì việc trình bày tại phiên tòa phúc thẩm được tiến hành như sau:

*Thứ nhất*, Trình bày kháng cáo:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo trình bày nội dung kháng cáo, căn cứ của việc kháng cáo. Người kháng cáo có quyền bổ sung ý kiến.

Trường hợp tất cả đương sự đều kháng cáo thì việc trình bày được thực hiện theo thứ tự người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn kháng cáo và nguyên đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn kháng cáo và bị đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Trường hợp đương sự không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình thì họ tự trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo và đề nghị của mình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị trình bày ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị. Đương sự có quyền bổ sung ý kiến.

***[3]. Thủ tục hỏi và công bố tài liệu, chứng cứ, xem xét vật chứng tại phiên tòa phúc thẩm***[33]

[33] *Điều 303 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luawgialai.vn

Thủ tục hỏi những người tham gia tố tụng và công bố tài liệu, chứng cứ, xem xét vật chứng quy định tại phiên tòa phúc thẩm được thực hiện như tại phiên tòa sơ thẩm.

Việc hỏi được thực hiện đối với những vấn đề thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm liên quan đến phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị.

***[4].Trình tự tranh luận đối với kháng cáo được thực hiện như sau***

Tại phiên tòa phúc thẩm, đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự chỉ được tranh luận về những vấn đề thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm và đã được hỏi tại phiên tòa phúc thẩm.

Trình tự tranh luận đối với kháng cáo được thực hiện như sau:

a) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kháng cáo trình bày. Người kháng cáo có quyền bổ sung ý kiến;

b) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tranh luận, đối đáp. Đương sự có quyền bổ sung ý kiến;

c) Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng xét xử có thể yêu cầu các đương sự tranh luận bổ sung về những vấn đề cụ thể để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Trình tự tranh luận đối với kháng nghị được thực hiện như sau:

a) Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự phát biểu về tính hợp pháp, tính có căn cứ của kháng nghị. Đương sự có quyền bổ sung ý kiến;

b) Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, đương sự đã nêu.

Trường hợp đương sự không có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì họ tự mình tranh luận.

Trường hợp vắng mặt một trong các đương sự và người tham gia tố tụng khác thì chủ tọa phiên tòa phải công bố lời khai của họ để trên cơ sở đó các đương sự có mặt tại phiên tòa tranh luận và đối đáp.

***[5]. Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm***

Sau khi kết thúc việc tranh luận và đối đáp, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm.

Ngay sau khi kết thúc phiên tòa, Kiểm sát viên phải gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ án.

**<u>Phần 4:</u> Nghị án và tuyên án**

Việc nghị án, trở lại việc hỏi và tranh luận, thời gian nghị án, tuyên án, sửa chữa, bổ sung bản án phúc thẩm được thực hiện như thủ tục xét xử sơ thẩm.

Hội đồng xét xử phúc thẩm có quyền sau đây:



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaat.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm;

2. Sửa bản án sơ thẩm;

3. Hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm;

4. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án;

5. Đình chỉ xét xử phúc thẩm;

6. Tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án khi có văn bản của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản trả lời Tòa án kết quả xử lý.

**6. Bản án, quyết định phúc thẩm**

Trong thời hạn **15 ngày**, kể từ ngày ra bản án, quyết định phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi bản án, quyết định phúc thẩm cho Tòa án đã xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát cùng cấp, cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền, người kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc kháng cáo, kháng nghị hoặc người đại diện hợp pháp của họ.

**7. Nghĩa vụ chịu án phí dân sự phúc thẩm[34]**

- Đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nếu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo, trừ trường hợp được miễn hoặc không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo thì đương sự kháng cáo liên quan đến phần bản án, quyết định phải sửa không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Tòa án cấp phúc thẩm phải xác định lại nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

- Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo để xét xử sơ thẩm lại thì đương sự kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Đương sự rút kháng cáo trước khi mở phiên tòa phúc thẩm phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm. Đương sự rút kháng cáo tại phiên tòa phúc thẩm phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

- Trường hợp các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm thì đương sự kháng cáo phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm, về án phí dân sự sơ thẩm, nếu các đương sự tự thỏa thuận được với nhau thì các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì Tòa án xác định lại án phí dân sự sơ thẩm theo nội dung thỏa thuận về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa phúc thẩm.

---

*[34] Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14*



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghehuat.vn
Tầng 2, 68 Nguyễn Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 4, 207A Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsufdvnhcm.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp Vinh
Luatsuvinhfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsufdvn.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

- Trường hợp nguyên đơn rút đơn khởi kiện trước khi mở phiên tòa phúc thẩm hoặc tại phiên tòa phúc thẩm và được bị đơn đồng ý thì các đương sự vẫn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm và phải chịu 50% mức án phí dân sự phúc thẩm.

- Trong vụ án có người không phải chịu án phí hoặc được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm thì những người khác vẫn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại các khoản 1, 4, 5 và 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

## IV. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM

Tính chất của giám đốc thẩm: Giám đốc thẩm là xét lại bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị giám đốc thẩm khi có căn cứ quy định tại Điều 326 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

**** Căn cứ, điều kiện để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm***

- Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm khi có một trong những căn cứ sau đây:

- Kết luận trong bản án, quyết định không phù hợp với những tình tiết khách quan của vụ án gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự;
- Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng làm cho đương sự không thực hiện được quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình, dẫn đến quyền, lợi ích hợp pháp của họ không được bảo vệ theo đúng quy định của pháp luật;
- Có sai lầm trong việc áp dụng pháp luật dẫn đến việc ra bản án, quyết định không đúng, gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, xâm phạm đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba.

**** Thủ tục nhận đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm.***

Trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định đó thì đương sự có quyền đề nghị bằng văn bản với người có thẩm quyền kháng nghị để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm. Đương sự nộp đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án nhân dân huyện và Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã có hiệu lực pháp luật cho người có thẩm quyền kháng nghị để xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm bằng cách nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu chính. Kèm theo đơn đề nghị, người đề nghị phải gửi bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, tài liệu, chứng cứ (nếu có) để chứng minh cho những yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp.

Đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm phải có các nội dung chính sau đây:

- Ngày, tháng, năm làm đơn đề nghị;

- Tên, địa chỉ của người đề nghị;



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghearnfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

- Tên bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật được đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm;

- Lý do đề nghị, yêu cầu của người đề nghị;

- Người đề nghị là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ; người đề nghị là cơ quan, tổ chức thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên và đóng dấu vào phần cuối đơn; trường hợp tổ chức đề nghị là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp.

*(Mẫu đơn chi tiết xem tại Mẫu số 03 tại Mục 8 trình tự thủ tục này)*

Tòa án, Viện kiểm sát nhận đơn đề nghị do đương sự nộp trực tiếp tại Tòa án, Viện kiểm sát hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính và phải ghi vào sổ nhận đơn, cấp giấy xác nhận đã nhận đơn cho đương sự.

Trường hợp đơn đề nghị không có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì Tòa án, Viện kiểm sát yêu cầu người gửi đơn sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được yêu cầu của Tòa án, Viện kiểm sát; hết thời hạn này mà người gửi đơn không sửa đổi, bổ sung thì Tòa án, Viện kiểm sát trả lại đơn đề nghị, nêu rõ lý do cho đương sự và ghi chú vào sổ nhận đơn.

**** Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm***

Theo quy định tại Điều 331 BLTTDS năm 2015 người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm là:

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao; bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.

Như vậy, trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu phát hiện có vi phạm pháp luật trong bản án, quyết định đó thì đương sự có quyền đề nghị bằng văn bản với người có thẩm quyền kháng nghị để xem xét kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm.

| Tên cơ quan | Địa chỉ | Số điện thoại |
|---|---|---|
| Tòa án nhân dân tối cao | 48 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội. | 024.62741133 |
| Viện kiểm sát nhân dân tối cao | Số 9 phố Phạm Văn Bạch - Cầu Giấy - Hà Nội | 024.38255058 |



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoeliminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luawgialai.vn

| | | |
|---|---|---|
| Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh | 33 Hàn Thuyên, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM | 028.38.298.290 |
| Toà án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh | 124 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Thành phố Hồ Chí Minh. | 0838248115 |

**** Thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm***

Căn cứ, theo quy định tại Điều 334 BLTTDS năm 2015 thời hạn kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm là:

- Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm có quyền kháng nghị trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Trường hợp đã hết thời hạn kháng nghị theo quy định nêu trên nhưng có các điều kiện sau đây thì thời hạn kháng nghị được kéo dài thêm 02 năm, kể từ ngày hết thời hạn kháng nghị:

- Đương sự đã có đơn đề nghị theo quy định tại khoản 1 Điều 328 của Bộ luật này và sau khi hết thời hạn kháng nghị quy định tại khoản 1 Điều này đương sự vẫn tiếp tục có đơn đề nghị;
- Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật có vi phạm pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 326 của Bộ luật này, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, của người thứ ba, xâm phạm lợi ích của cộng đồng, lợi ích của Nhà nước và phải kháng nghị để khắc phục sai lầm trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật đó.

**** Thẩm quyền giám đốc thẩm***

- Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị như sau:

- Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm;
- Toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật quy định tại điểm a khoản này nhưng có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyết định đã được Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán nhưng không đạt được sự thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án.

- Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao bị kháng nghị như sau:

- Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm năm Thẩm phán đối với bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm;
- Toàn thể Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật quy định tại điểm a khoản này nhưng có tính chất phức tạp hoặc bản án, quyết định đã được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng xét xử gồm năm Thẩm phán nhưng không đạt được sự thống nhất khi biểu quyết thông qua quyết định về việc giải quyết vụ án.

- Những vụ án có tính chất phức tạp là những vụ án thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Quy định của pháp luật về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án chưa rõ ràng, chưa được hướng dẫn áp dụng thống nhất;
- Việc đánh giá chứng cứ, áp dụng pháp luật có nhiều ý kiến khác nhau;
- Việc giải quyết vụ án liên quan đến lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước, bảo vệ quyền con người, quyền công dân được dư luận xã hội đặc biệt quan tâm.

- Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao xem xét, quyết định việc tổ chức xét xử giám đốc thẩm trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định việc tổ chức xét xử giám đốc thẩm trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

- Trường hợp những bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật về cùng một vụ án dân sự cùng thuộc thẩm quyền giám đốc thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao thì Tòa án nhân dân tối cao có thẩm quyền giám đốc thẩm toàn bộ vụ án.

**** Những người tham gia phiên tòa giám đốc thẩm***

- Phiên tòa giám đốc thẩm phải có sự tham gia của Viện kiểm sát cùng cấp.

- Trường hợp xét thấy cần thiết, Tòa án triệu tập đương sự hoặc người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác có liên quan đến việc kháng nghị tham gia phiên tòa giám đốc thẩm; nếu họ vắng mặt tại phiên tòa thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm vẫn tiến hành phiên tòa.

****Thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm***

Trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày nhận được kháng nghị kèm theo hồ sơ vụ án, Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm phải mở phiên tòa để xét xử vụ án theo thủ tục giám đốc thẩm.

**** Chuẩn bị phiên tòa giám đốc thẩm***

Chánh án Tòa án phân công một Thẩm phán làm bản thuyết trình về vụ án tại phiên tòa. Bản thuyết trình tóm tắt nội dung vụ án và các bản án, quyết định của các cấp Tòa án, nội



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanofdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luatsugialai.vn

dung của kháng nghị. Bản thuyết trình phải được gửi cho các thành viên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chậm nhất là 07 ngày trước ngày mở phiên tòa giám đốc thẩm.

**** Thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm***

Theo quy định tại Điều 341 Bộ Luật tố tụng Dân sự 2015 quy định về thủ tục xét xử tại phiên tòa giám đốc thẩm như sau:

- Sau khi chủ tọa khai mạc phiên tòa, một thành viên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm trình bày tóm tắt nội dung vụ án, quá trình xét xử vụ án, quyết định của bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị, các căn cứ, nhận định của kháng nghị và đề nghị của người kháng nghị. Trường hợp Viện kiểm sát kháng nghị thì đại diện Viện kiểm sát trình bày nội dung kháng nghị.

- Đương sự, người đại diện hợp pháp, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự hoặc người tham gia tố tụng khác được Tòa án triệu tập đến phiên tòa giám đốc thẩm trình bày ý kiến về những vấn đề mà Hội đồng giám đốc thẩm yêu cầu. Trường hợp họ vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến thì Hội đồng xét xử giám đốc thẩm công bố ý kiến của họ.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quyết định kháng nghị và việc giải quyết vụ án.

Ngay sau khi kết thúc phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phải gửi văn bản phát biểu ý kiến cho Tòa án để lưu vào hồ sơ vụ án.

- Các thành viên Hội đồng xét xử giám đốc thẩm phát biểu ý kiến và thảo luận. Hội đồng xét xử giám đốc thẩm nghị án và biểu quyết về việc giải quyết vụ án và công bố nội dung quyết định về việc giải quyết vụ án tại phiên tòa. Việc nghị án phải được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 264 của Bộ luật này.

- Trường hợp Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao xét xử theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 337 của Bộ luật này thì quyết định của Hội đồng xét xử phải được tất cả thành viên tham gia Hội đồng biểu quyết tán thành.

Trường hợp xét xử theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 337 của Bộ luật này thì phiên tòa xét xử của toàn thể Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham gia; quyết định của Ủy ban Thẩm phán phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

- Trường hợp Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 337 của Bộ luật này thì quyết định của Hội đồng xét xử phải được tất cả thành viên tham gia Hội đồng biểu quyết tán thành.

Trường hợp xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 337 của Bộ luật này thì phiên tòa xét xử của toàn thể Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao phải có ít nhất hai phần ba tổng số thành viên tham gia; quyết định của Hội đồng Thẩm phán phải được quá nửa tổng số thành viên biểu quyết tán thành.

## V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÉT LẠI BẢN ÁN, QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN ĐÃ CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT THEO THỦ TỤC TÁI THẨM

****Tính chất của tái thẩm***



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelua.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luatsugialai.vn

Tái thẩm là xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị vì có tình tiết mới được phát hiện có thể làm thay đổi cơ bản nội dung của bản án, quyết định mà Tòa án, các đương sự không biết được khi Tòa án ra bản án, quyết định đó.

**** Căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm***

Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo thủ tục tái thẩm khi có một trong những căn cứ sau đây:

- Mới phát hiện được tình tiết quan trọng của vụ án mà đương sự đã không thể biết được trong quá trình giải quyết vụ án;
- Có cơ sở chứng minh kết luận của người giám định, lời dịch của người phiên dịch không đúng sự thật hoặc có giả mạo chứng cứ;
- Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Kiểm sát viên cố ý làm sai lệch hồ sơ vụ án hoặc cố ý kết luận trái pháp luật;
- Bản án, quyết định hình sự, hành chính, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan nhà nước mà Tòa án căn cứ vào đó để giải quyết vụ án đã bị hủy bỏ.

**** Người có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm***

- Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp cao; bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án khác khi xét thấy cần thiết, trừ quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao có thẩm quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện trong phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ.
- Người đã kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật có quyền quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đó cho đến khi có quyết định tái thẩm.

*(Mẫu đơn chi tiết xem tại Mẫu số 04 tại Mục 8 trình tự thủ tục này)*

**** Thời hạn kháng nghị theo thủ tục tái thẩm***

Thời hạn kháng nghị theo thủ tục tái thẩm là 01 năm, kể từ ngày người có thẩm quyền kháng nghị biết được căn cứ để kháng nghị theo thủ tục tái thẩm quy định tại Điều 352 của Bộ luật này.

**** Thẩm quyền của Hội đồng xét xử tái thẩm***

Hội đồng xét xử tái thẩm có thẩm quyền sau đây:

- Không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

- Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật để xét xử sơ thẩm lại theo thủ tục do Bộ luật này quy định.
- Hủy bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật và đình chỉ giải quyết vụ án.

## VI. TRÌNH TỰ THỦ TỤC THỰC HIỆN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

**Bước 1**: ***Gửi đơn yêu cầu thi hành án***

*[1]. Tiếp nhận, từ chối yêu cầu thi hành án*[35]

- Đương sự tự mình hoặc ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án bằng hình thức trực tiếp nộp đơn hoặc trình bày bằng lời nói hoặc gửi đơn qua bưu điện. Người yêu cầu phải nộp bản án, quyết định, tài liệu khác có liên quan. Ngày yêu cầu thi hành án được tính từ ngày người yêu cầu nộp đơn hoặc trình bày trực tiếp hoặc ngày có dấu bưu điện nơi gửi.
- Đơn yêu cầu phải có các nội dung sau đây:

a) Tên, địa chỉ của người yêu cầu;

b) Tên cơ quan thi hành án dân sự nơi yêu cầu;

c) Tên, địa chỉ của người được thi hành án; người phải thi hành án;

d) Nội dung yêu cầu thi hành án;

đ) Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án, nếu có;

e) Ngày, tháng, năm làm đơn;

g) Chữ ký hoặc điểm chỉ của người làm đơn; trường hợp là pháp nhân thì phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của pháp nhân, nếu có.

*(Mẫu đơn chi tiết xem tại Mẫu số 07 tại Mục 8 trình tự thủ tục này)*

- Trường hợp người yêu cầu trực tiếp trình bày bằng lời nói thì cơ quan thi hành án dân sự phải lập biên bản có các nội dung như đơn yêu cầu theo quy định, có chữ ký của người lập biên bản; biên bản này có giá trị như đơn yêu cầu.
- Khi tiếp nhận yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải kiểm tra nội dung yêu cầu và các tài liệu kèm theo, vào sổ nhận yêu cầu thi hành án và thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu.
- Cơ quan thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án và phải thông báo bằng văn bản cho người yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án trong các trường hợp sau đây:

a) Người yêu cầu không có quyền yêu cầu thi hành án hoặc nội dung yêu cầu không liên quan đến nội dung của bản án, quyết định; bản án, quyết định không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo quy định;

b) Cơ quan thi hành án dân sự được yêu cầu không có thẩm quyền thi hành án;

---

[35] Điều 31 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 13 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

c) Hết thời hiệu yêu cầu thi hành án.

*[2]. Thẩm quyền thi hành án*[36]

**(1)** Cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện

- Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở;

- Bản án, quyết định phúc thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đối với bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện có trụ sở;

- Quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp cao đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương nơi cơ quan thi hành án dân sự có trụ sở;

- Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện nơi khác, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác.

**CƠ QUAN THI HÀNH ÁN CẤP HUYỆN TẠI TỈNH CẦN THƠ**

| Tên cơ quan thi hành án | Địa chỉ | Số điện thoại |
|---|---|---|
| Chi cục THA quận Ninh Kiều | Số 01 đường Trần Khánh Dư, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ | 0292 3820 378 |
| Chi cục THA quận Bình Thủy | D1 Khu Đô Thị Mới- P. Bình Thuỷ, , Quận Bình Thuỷ, Cần Thơ | |
| Chi cục THA quận Cái Răng | Số 01 đường 06, Khu dân cư Nông, Cái Răng, Cần Thơ | 0292 3846 460 |
| Chi cục THA quận Ô Môn | Khu vực 4, Phường Châu Văn Liêm, Quận Ô Môn, Cần Thơ | 0292 861923 |
| Chi cục THA huyện Phong Điền | Phan Văn Trị, Thị trấn Phong Điền, Phong Điền, Cần Thơ | 0292 3850 520 |
| Chi cục THA huyện Cờ Đỏ | ấp Thới Hòa, Thị trấn Cờ Đỏ, Huyện Cờ Đỏ, Cần Thơ | 0292 3695 361 |
| Chi cục THA quận Thốt Nốt | KV Thới An 1, Phường Thuận An, Quận Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ | |

[36] Điều 35 Luật Thi hành án dân sự năm 2008



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoanfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhoe.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luatsugialai.vn

| | | |
|---|---|---|
| Chi cục THA huyện Vĩnh Thạnh | ấp Vĩnh Tiến, Thị Trấn Vĩnh Thạnh, Huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ | 0292 3858 829 |
| Chi cục THA huyện Thới Lai | ấp Thới Thuận B, Thị Trấn Thới Lai, Huyện Thới Lai, Thành phố Cần Thơ | 0292 3689 240 |

**(2)** Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh

- Bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trên cùng địa bàn;

- Bản án, quyết định của Tòa án nhân dân cấp cao;

- Quyết định của Tòa án nhân dân tối cao chuyển giao cho cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh;

- Bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài, quyết định của Trọng tài nước ngoài được Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;

- Phán quyết, quyết định của Trọng tài thương mại;

- Quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh của Hội đồng xử lý vụ vic cạnh tranh;

- Bản án, quyết định do cơ quan thi hành án dân sự nơi khác hoặc cơ quan thi hành án cấp quân khu ủy thác;

- Bản án, quyết định thuộc thẩm quyền thi hành của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện quy định mà thấy cần thiết lấy lên để thi hành;

- Bản án, quyết định quy định mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp về thi hành án.

**CƠ QUAN THI HÀNH ÁN CẤP TỈNH TẠI TỈNH CẦN THƠ**

| Tên cơ quan thi hành án | Địa chỉ | Số điện thoại |
|---|---|---|
| Cục THA thành phố Cần Thơ | 15a Nguyễn Văn Cừ Nối Dài, An Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ | 0292 3821 974 |

*[3] Người yêu cầu thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án quy định*[37].

Người có quyền yêu cầu thi hành án dân sự là người được thi hành án và người phải thi hành án. Trong đó:

- Người được thi hành án là đương sự trong vụ án dân sự bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức được hưởng quyền, lợi ích trong bản án, quyết định được thi hành.

[37] Điều 7 Luật Thi hành án dân sự 2008 sửa đổi bởi khoản 4 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014 và Điều 7a Luật Thi hành án dân sự 2008 bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendanghehuat.vn
Tầng 2, 68 Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 4, 207A Hoàng Hoa Thám, Q. Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsufdvnhcm.vn
Khối 11, P. Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsuvinhfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsufdvn.vn
81 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luatsugialai.vn

- Người phải thi hành án là đương sự trong vụ án dân sự bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức phải thực hiện nghĩa vụ trong bản án, quyết định được thi hành.

**<u>Bước 2:</u> Nhận quyết định thi hành án theo yêu cầu**

*[1]. Thông báo thi hành án*

Việc thông báo về thi hành án theo quy định tại Điều 40, Điều 41, Điều 42 của Luật Thi hành án dân sự được thực hiện lần đầu. Trường hợp người được thông báo đồng ý thì từ lần thông báo thứ hai trở đi, cơ quan thi hành án dân sự có thể thực hiện thông báo qua VNeID hoặc Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp. Nếu người được thông báo không đồng ý về hình thức thông báo từ lần thứ hai trở đi thì cơ quan thi hành án dân sự thực hiện thông báo theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Việc thông báo trực tiếp cho đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thực hiện như sau:

a) Do Chấp hành viên, công chức làm công tác thi hành án giao văn bản cần thông báo cho người được thông báo;

b) Do bưu tá; người được cơ quan thi hành án ủy quyền; tổ trưởng tổ dân phố; trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc; Ủy ban nhân dân, công an cấp xã; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị; Giám thị trại giam, trại tạm giam, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được thông báo có địa chỉ, cư trú, công tác, chấp hành hình phạt tù giao văn bản cần thông báo cho người được thông báo.

*[2]. Thời gian thi hành án tự nguyện*

Thời hạn tự nguyện thi hành án là **10 ngày**, kể từ ngày người phải thi hành án nhận được quyết định thi hành án hoặc được thông báo hợp lệ quyết định thi hành án.

Trường hợp cần ngăn chặn người phải thi hành án có hành vi tẩu tán, hủy hoại tài sản hoặc hành vi khác nhằm trốn tránh việc thi hành án thì Chấp hành viên áp dụng ngay biện pháp bảo đảm và cưỡng chế thi hành án theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

*[3]. Cưỡng chế thi hành án*

Hết thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định, người phải thi hành án có điều kiện thi hành án mà không tự nguyện thi hành án thì bị cưỡng chế.

Không tổ chức cưỡng chế thi hành án trong thời gian từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, các ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật và các trường hợp đặc biệt khác do Chính phủ quy định.

*<u>Các biện pháp bảo đảm thi hành án dân sự</u>:*

Các biện pháp bảo đảm thi hành án theo quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi 2014) bao gồm:

- Phong toả tài khoản;

- Tạm giữ tài sản, giấy tờ;



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelua.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoechiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luawgialai.vn

- Tạm dừng việc đăng ký, chuyển dịch, thay đổi hiện trạng về tài sản.

*Các biện pháp cưỡng chế thi hành án dân sự:*

Biện pháp cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 71 Luật Thi hành án dân sự 2008, bao gồm:

- Khấu trừ tiền trong tài khoản; thu hồi, xử lý tiền, giấy tờ có giá của người phải thi hành án.

- Trừ vào thu nhập của người phải thi hành án.

- Kê biên, xử lý tài sản của người phải thi hành án, kể cả tài sản đang do người thứ ba giữ.

- Khai thác tài sản của người phải thi hành án.

- Buộc chuyển giao vật, chuyển giao quyền tài sản, giấy tờ.

- Buộc người phải thi hành án thực hiện hoặc không được thực hiện công việc nhất định.

**Bước 3: Xác minh điều kiện thi hành án**

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hết thời hạn tự nguyện thi hành án mà người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Chấp hành viên tiến hành xác minh; trường hợp thi hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời thì phải tiến hành xác minh ngay. Người phải thi hành án phải kê khai trung thực, cung cấp đầy đủ thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án với cơ quan thi hành án dân sự và phải chịu trách nhiệm về việc kê khai của mình.

Trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án thì ít nhất 06 tháng một lần, Chấp hành viên phải xác minh điều kiện thi hành án; trường hợp người phải thi hành án chưa có điều kiện thi hành án là người đang chấp hành hình phạt tù mà thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại từ 02 năm trở lên hoặc không xác định được địa chỉ, nơi cư trú mới của người phải thi hành án thì thời hạn xác minh ít nhất 01 năm một lần. Sau hai lần xác minh mà người phải thi hành án vẫn chưa có điều kiện thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự phải thông báo bằng văn bản cho người được thi hành án về kết quả xác minh. Việc xác minh lại được tiến hành khi có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án.

Cơ quan thi hành án dân sự có thể ủy quyền cho cơ quan thi hành án dân sự nơi người phải thi hành án có tài sản, cư trú, làm việc hoặc có trụ sở để xác minh điều kiện thi hành án.

Người được thi hành án có quyền tự mình hoặc ủy quyền cho người khác xác minh điều kiện thi hành án, cung cấp thông tin về tài sản, thu nhập, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án cho cơ quan thi hành án dân sự. Trường hợp Chấp hành viên thấy cần thiết hoặc kết quả xác minh của Chấp hành viên và người được thi hành án khác nhau hoặc có kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thì phải xác minh lại. Việc xác minh lại được tiến hành trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả xác minh do đương sự cung cấp hoặc nhận được kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân.



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaut.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoachiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luawgialai.vn

Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xác minh điều kiện thi hành án:

- Cơ quan, tổ chức, công chức tư pháp - hộ tịch, địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường, cán bộ, công chức cấp xã khác và cá nhân có liên quan thực hiện yêu cầu của Chấp hành viên và phải chịu trách nhiệm về các nội dung thông tin đã cung cấp;

- Bảo hiểm xã hội, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất, cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án; ký vào biên bản trong trường hợp Chấp hành viên xác minh trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu của Chấp hành viên, đối với thông tin về tài khoản thì phải cung cấp ngay;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân đang nắm giữ thông tin hoặc quản lý tài sản, tài khoản của người phải thi hành án có trách nhiệm cung cấp thông tin khi người được thi hành án hoặc người đại diện theo ủy quyền của người được thi hành án có yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu, trừ trường hợp do sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Trường hợp cơ quan, tổ chức, cá nhân từ chối cung cấp thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

Trường hợp người được thi hành án, cơ quan, tổ chức, cá nhân không cung cấp hoặc cung cấp thông tin sai sự thật về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, thanh toán các chi phí phát sinh, trường hợp gây ra thiệt hại thì phải bồi thường.

**Bước 4: Kết thúc thi hành án**[38]

Việc thi hành án đương nhiên kết thúc trong trường hợp sau đây:

1. Có xác nhận của cơ quan thi hành án dân sự về việc đương sự đã thực hiện xong quyền, nghĩa vụ của mình;

2. Có quyết định đình chỉ thi hành án

***Phí thi hành án dân sự***[39]***:***

Người được thi hành án phải nộp phí thi hành án dân sự như sau:

| Số tiền, giá trị tài sản thực nhận | Mức phí thi hành án dân sự |
|---|---|
| Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên hai lần mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang do Nhà nước quy định đến 5.000.000.000 đồng. | 3% số tiền, giá trị tài sản thực nhận. |

[38] Điều 52 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi bởi Khoản 23 Điều 1 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi 2014 có hiệu lực từ ngày 01/07/2015

[39] *Điều 4 Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2016 về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự*

| | |
|---|---|
| Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 5.000.000.000 đồng đến 7.000.000.000 đồng. | 150.000.000 đồng cộng với 2% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 5.000.000.000 đồng |
| Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 7.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng. | 190.000.000 đồng cộng với 1% số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 7.000.000.000 đồng. |
| Số tiền, giá trị tài sản thực nhận từ trên 10.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng. | 220.000.000 đồng cộng 0,5% số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 10.000.000.000 đồng. |
| Số tiền, giá trị tài sản thực nhận trên 15.000.000.000 đồng. | 245.000.000 đồng cộng với 0,01% của số tiền, giá trị tài sản thực nhận vượt quá 15.000.000.000 đồng. |

*(Khoản 1 Điều 4 Thông tư 216/2016/TT-BTC)*

*** Mức phí thi hành án dân sự trong một số trường hợp đặc biệt**

***- Trường hợp 1:*** Đối với trường hợp nhiều người được nhận một tài sản cụ thể hoặc nhận chung một khoản tiền theo bản án, quyết định nhưng chỉ có một hoặc một số người có yêu cầu thi hành án mà Chấp hành viên đã tổ chức giao tài sản, khoản tiền đó cho người đã yêu cầu hoặc người đại diện của người đã có yêu cầu để quản lý thì người yêu cầu hoặc người đại diện đó phải nộp phí thi hành án dân sự tính trên toàn bộ giá trị tiền, tài sản thực nhận theo mức phí tại bảng phí nêu trên.

***- Trường hợp 2:*** Đối với trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định thi hành án nhưng chưa ra quyết định cưỡng chế thi hành án hoặc đã ra quyết định cưỡng chế thi hành án nhưng chưa thực hiện việc cưỡng chế thi hành án mà đương sự tự giao, nhận tiền, tài sản cho nhau thì người được thi hành án phải nộp 1/3 mức phí thi hành án dân sự tại bảng phí nêu trên tính trên số tiền, tài sản thực nhận, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 6 Thông tư 216/2016/TT-BTC.

***- Trường hợp 3:*** Trường hợp cơ quan thi hành án dân sự đã thu được tiền hoặc đã thực hiện việc cưỡng chế thi hành án thì người được thi hành án phải nộp 100% mức phí thi hành án dân sự theo bảng phí nêu trên tính trên số tiền, tài sản thực nhận.

*(Khoản 3, 4, 5 Điều 4 Thông tư 216/2016/TT-BTC)*

## VII. THAM KHẢO BẢN ÁN THỰC TẾ

**1.** Tổng hợp 10 bản án về tranh chấp xử lý kỷ luật lao động theo hình thức buộc thôi việc https://fdvn.vn/tong-hop-10-ban-an-ve-tranh-chap-xu-ly-ky-luat-lao-dong-theo-hinh-thuc-buoc-thoi-viec/

**2.** Tổng hợp 39 bản án tranh chấp về hợp đồng lao động https://fdvn.vn/tong-hop-39-ban-an-tranh-chap-ve-hop-dong-lao-dong/

**3.** Tổng hợp 09 bản án tranh chấp về hợp đồng lao động đương sự là pháp nhân nước ngoài https://fdvn.vn/tong-hop-09-ban-an-tranh-chap-ve-hop-dong-lao-dong-duong-su-la-phap-nhan-nuoc-ngoai/

**4.** Tổng hợp 17 bản án thực tế minh họa tại sổ tay hướng dẫn áp dụng pháp luật lao động https://fdvn.vn/tong-hop-17-ban-an-thuc-te-minh-hoa-tai-so-tay-huong-dan-ap-dung-phap-luat-lao-dong/

**5.** Tổng hợp 20 bản án về tranh chấp bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động https://fdvn.vn/tong-hop-20-ban-an-ve-tranh-chap-boi-thuong-thiet-hai-tro-cap-khi-cham-dut-hop-dong-lao-dong/

**6.** Tổng hợp 20 bản án lao động có yêu cầu phản tố https://fdvn.vn/tong-hop-20-ban-an-lao-dong-co-yeu-cau-phan-to/

**7.** Bản án tranh chấp hợp đồng lao động Tòa bắt buộc Công ty hủy Quyết định chấm dứt hợp đồng trái luật https://fdvn.vn/nghien-cuu-luat-moi-ngay-ban-an-tranh-chap-hop-dong-lao-dong-toa-bat-buoc-cong-ty-huy-quyet-dinh-cham-dut-hop-dong-trai-luat/

**8.** Tổng hợp 20 bản án vi phạm thời hạn báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động https://fdvn.vn/tong-hop-20-ban-an-vi-pham-thoi-han-bao-truoc-khi-cham-dut-hop-dong-lao-dong/

**9.** Tổng hợp 10 bản án về tội vi phạm quy định an toàn lao động https://fdvn.vn/tong-hop-10-ban-an-ve-toi-vi-pham-quy-dinh-an-toan-lao-dong/

**10.** Tổng hợp 20 bản án tòa án có phán quyết sa thải, kỷ luật lao động trái pháp luật https://fdvn.vn/tong-hop-20-ban-an-toa-an-co-phan-quyet-sa-thai-ky-luat-lao-dong-trai-phap-luat/

**11.** Tổng hợp 20 bản án về tranh chấp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp https://fdvn.vn/tong-hop-20-ban-an-ve-tranh-chap-bao-hiem-y-te-bao-hiem-xa-hoi-bao-hiem-tai-nan-lao-dong-bao-hiem-that-nghiep/

## VIII. MẪU ĐƠN KÈM THEO

***MẪU SỐ 01 : MẪU ĐƠN KHỞI KIỆN TẠI TOÀ ÁN***

*Mẫu số 23-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……(1), ngày….. tháng …… năm…….*

**ĐƠN KHỞI KIỆN**

Kính gửi: Toà án nhân dân (2)……

**Người khởi kiện:** (3) .....

Địa chỉ: (4) .....

Số điện thoại: ……(nếu có); số fax: ……(nếu có)

Địa chỉ thư điện tử: ……..... (nếu có)

**Người bị kiện:** (5).....

Địa chỉ (6) .....

Số điện thoại: ……(nếu có); số fax: ……(nếu có)

Địa chỉ thư điện tử: ……..... (nếu có)

**Người có quyền, lợi ích được bảo vệ (nếu có)**(7).....

Địa chỉ: (8).....

Số điện thoại: ……(nếu có); số fax: ……...(nếu có)

Địa chỉ thư điện tử : …….....(nếu có)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (nếu có)** (9).....

Địa chỉ: (10) .....

Số điện thoại: ……(nếu có); số fax: ……(nếu có)

Địa chỉ thư điện tử: ..……..……..... (nếu có)

**Yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây:**(11).....

.....

Người làm chứng (nếu có) (12).....

Địa chỉ: (13) .....

Số điện thoại: ……(nếu có); số fax: ……(nếu có)

Địa chỉ thư điện tử: ……..……..... (nếu có).



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelaat.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Luatsuhoanfdvn.vn
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhoeliminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
Luatsunghoanfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
Luatsuhue.vn
61 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai
Luatsugialai.vn

**Danh mục tài liệu, chứng kèm theo đơn khởi kiện gồm có:** (14) .....

1.....

2.....

(Các thông tin khác mà người khởi kiện xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án) (15) ..

**Người khởi kiện** (16)

---

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 23-DS:***

(1) Ghi địa điểm làm đơn khởi kiện (ví dụ: Hà Nội, ngày….. tháng….. năm……).

(2) Ghi tên Toà án có thẩm quyền giải quyết vụ án; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện A thuộc tỉnh B), nếu là Toà án nhân dân cấp tỉnh, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên) và địa chỉ của Toà án đó.

(3) Nếu người khởi kiện là cá nhân thì ghi họ tên; đối với trường hợp người khởi kiện là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi thì ghi họ tên, địa chỉ của người đại diện hợp pháp của cá nhân đó; nếu người khởi kiện là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và ghi họ, tên của người đại điện hợp pháp của cơ quan, tổ chức khởi kiện đó.

(4) Ghi nơi cư trú tại thời điểm nộp đơn khởi kiện. Nếu người khởi kiện là cá nhân, thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú (ví dụ: Nguyễn Văn A, cư trú tại thôn B, xã C, huyện M, tỉnh H); nếu người khởi kiện là cơ quan, tổ chức, thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Công ty TNHH Hin Sen có trụ sở: Số 20 phố LTK, quận HK, thành phố H).

(5), (7), (9) và (12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (3).

(6), (8), (10) và (13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (4).

(11) Nêu cụ thể từng vấn đề yêu cầu Toà án giải quyết.

(14) Ghi rõ tên các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện gồm có những tài liệu nào và phải đánh số thứ tự (ví dụ: các tài liệu kèm theo đơn gồm có: bản sao hợp đồng mua bán nhà, bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, …).

(15) Ghi những thông tin mà người khởi kiện xét thấy cần thiết cho việc giải quyết vụ án (ví dụ: Người khởi kiện thông báo cho Toà án biết khi xảy ra tranh chấp một trong các đương sự đã đi nước ngoài chữa bệnh…).

(16) Nếu người khởi kiện là cá nhân thì phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của người khởi kiện đó; trường hợp người khởi kiện là người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức làm chủ hành vi thì người đại diện hợp pháp đó phải ký tên điểm chỉ; trường hợp người khởi kiện, người đại diện hợp pháp không biết chữ, không nhìn được, không tự mình làm đơn khởi kiện,



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendanghehuat.vn
Tầng 2, 68 Hàng Bình Nghệ, Yên Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 207 Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhochiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 3, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp Vinh
Luatsuvinhfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
81 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

không tự mình ký tên hoặc điểm chỉ thì người có năng lực hành vi tố tụng dân sự đầy đủ làm chứng, ký xác nhận vào đơn khởi kiện. Nếu là cơ quan tổ chức khởi kiện, thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức khởi kiện ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó. Trường hợp tổ chức khởi kiện là doanh nghiệp thì việc sử dụng con dấu theo quy định của Luật doanh nghiệp. Nếu người khởi kiện không biết chữ thì phải có người làm chứng ký xác nhận theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự.

***MẪU SỐ 02: MẪU ĐƠN KHÁNG CÁO***

*Mẫu số 54-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……, ngày….. tháng …… năm……*

**ĐƠN KHÁNG CÁO**

Kính gửi: Tòa án nhân dân [1] .....

Người kháng cáo: [2] .....

Địa chỉ: [3] .....

Số điện thoại:……/Fax: .....

Địa chỉ thư điện tử.....(nếu có)

Là:[4] .....

Kháng cáo: [5] .....

Lý do của việc kháng cáo:[6] .....

Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết những việc sau đây:[7].....

Những tài liệu, chứng cứ bổ sung kèm theo đơn kháng cáo gồm có:[8].....

1. .....

2. .....

3. .....

**NGƯỜI KHÁNG CÁO[9]**

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 54-DS:***

(1) Ghi tên Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án. Nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào, thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh ĐN); nếu là Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội). Cần ghi địa chỉ cụ thể của Tòa án (nếu đơn kháng cáo được gửi qua bưu điện).

(2) Nếu người kháng cáo là cá nhân thì ghi họ tên của cá nhân đó; nếu người kháng cáo ủy quyền cho người khác thì ghi họ, tên của người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo, của người kháng cáo ủy quyền kháng cáo, nếu người kháng cáo là cơ quan, tổ chức thì ghi tên của cơ quan, tổ chức đó (ghi như đơn kháng cáo) và ghi họ tên, chức vụ của người đại diện



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghehuat.vn
Tầng 2, 68 Hàng Bình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoifdvn.vn
Tầng 3, 207 Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhochiminhfdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp Vinh
Luatsuvinhfdvn.vn
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
81 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó, nếu người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức ủy quyền cho người khác kháng cáo thì ghi họ tên của người đại diện theo ủy quyền, của đương sự là cơ quan, tổ chức ủy quyền (ví dụ: Người kháng cáo: Tổng công ty X do ông Nguyễn Văn A, Tổng giám đốc làm đại diện).

(3) Nếu người kháng cáo là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú (ví dụ: Địa chỉ: trú tại thôn B, xã C, huyện H, tỉnh T); nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Địa chỉ: có trụ sở tại số 20 phố NP, quận Đ, thành phố H).

(4) Ghi tư cách tham giá tố tụng của người kháng cáo (ví dụ: là nguyên đơn (bị đơn) trong vụ án về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Trần Văn Nam trú tại nhà số 34 phố X, quận H, thành phố Y theo uỷ quyền ngày…tháng…năm…; là người đại diện theo uỷ quyền của Công ty XNK A do ông Nguyễn Văn Nam – Tổng Giám đốc đại diện theo giấy uỷ quyền ngày…tháng…năm…).

(5) Ghi cụ thể kháng cáo bản án, quyết định sơ thẩm hoặc phần nào của bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật đó (ví dụ: kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 15-01-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh H).

(6) Ghi lý do cụ thể của việc kháng cáo.

(7) Nêu cụ thể từng vấn đề mà người kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

(8) Trường hợp có các tài liệu, chứng cứ bổ sung thì phải ghi đầy đủ tên các tài liệu, chứng cứ bổ sung kèm theo đơn kháng cáo để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ và hợp pháp (ví dụ: các tài liệu kèm theo đơn gồm có: 1) Bản sao Giấy xác nhận nợ; 2) Bản sao Giấy đòi nợ…).

(9) Nếu người kháng cáo là cá nhân thì phải ký tên hoặc điểm chỉ và ghi rõ họ tên của người kháng cáo đó; nếu là cơ quan, tổ chức kháng cáo thì người đại điện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức kháng cáo ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ của mình và đóng dấu của cơ quan, tổ chức đó, trường hợp doanh nghiệp kháng cáo thì việc sử dụng con dấu theo quy định của Luật doanh nghiệp.

***MẪU SỐ 03: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIÁM ĐỐC THẨM***

*Mẫu số 82-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……, ngày….. tháng …… năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**XEM XÉT THEO THỦ TỤC GIÁM ĐỐC THẨM**

**Đối với Bản án (Quyết định)**.....(1) **số**... **ngày**... **tháng**... **năm**...
**của Tòa án nhân dân**.....

Kính gửi:(2).....

Họ tên người đề nghị:(3) .....

Địa chỉ:(4).....

Là:(5) .....

trong vụ án về.....

Đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Bản án (Quyết định)(6).. số.... ngày... tháng... năm... của Tòa án nhân dân..... đã có hiệu lực pháp luật.

Lý do đề nghị:(7) .....

Yêu cầu của người đề nghị:(8) .....

.....

Kèm theo đơn đề nghị là các tài liệu, chứng cứ sau đây:(9)

1. Bản sao Bản án (quyết định) số... ngày.... tháng.... năm của Tòa án nhân dân ……

2. .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN(10)**

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 82-DS:***

(1), (6) Nếu là bản án sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm", nếu là bản án phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(2) Ghi người có quyền kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm quy định tại Điều 331 Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

(3) Nếu người làm đơn là cá nhân thì ghi họ tên của cá nhân đó; nếu người làm đơn là cơ quan,



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghelua.vn
Tầng 2, 68 Hoàng Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Tầng 3, 205B Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx. Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Toà nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp. Vinh
366 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế
51 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai

tổ chức thì ghi tên của cơ quan, tổ chức và ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Công ty X do ông Nguyễn Văn A - Tổng giám đốc làm đại diện).

(4) Nếu người làm đơn là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó.

(5) Ghi tư cách tham gia tố tụng của người làm đơn (ví dụ: là nguyên đơn).

(7) Ghi lý do cụ thể của việc đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm.

(8) Ghi yêu cầu của người đề nghị (ví dụ: Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, huỷ Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2017/DSPT ngày 10-02-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh A để xét xử phúc thẩm lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự).

(9) Ghi tên tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn (ví dụ: 1. Bản sao Bản án số...; 2. Bản sao Chứng minh nhân dân....3. Quyết định số.../QĐ-UBND ngày.....).

(10) Người đề nghị là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ trực tiếp vào đơn; người đề nghị là cơ quan, tổ chức thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên trực tiếp và đóng dấu trực tiếp vào đơn.

***MẪU SỐ 04: MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XEM XÉT THEO THỦ TỤC TÁI THẨM***

*Mẫu số 83-DS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*……, ngày….. tháng …… năm……*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**XEM XÉT THEO THỦ TỤC TÁI THẨM**

**đối với Bản án (Quyết định).....[(1)] số... ngày... tháng... năm...**
**của Tòa án nhân dân.....**

Kính gửi:[(2)] ……

Họ tên người đề nghị:[(3)] .....

Địa chỉ:[(4)].....

Là:[(5)] .....

trong vụ án về.....

Đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm Bản án (Quyết định)[(6)]..... số.... ngày... tháng ... năm ... của Tòa án nhân dân..... đã có hiệu lực pháp luật.

Lý do đề nghị:[(7)] .....

Yêu cầu của người đề nghị:[(8)] .....

Kèm theo đơn đề nghị là các tài liệu, chứng cứ sau đây:[(9)]

1. Bản sao Bản án (quyết định) số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa án nhân dân...

2. .....

**NGƯỜI LÀM ĐƠN[(10)]**

***Hướng dẫn sử dụng mẫu số 83-DS:***

(1), (6) Nếu là bản án sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm", nếu là bản án phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm"...

(2) Ghi người có quyền kháng nghị theo thủ tục tái thẩm quy định tại Điều 354 Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: Kính gửi: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

(3) Nếu người làm đơn là cá nhân thì ghi họ tên của cá nhân đó; nếu người làm đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên của cơ quan, tổ chức và ghi họ tên, chức vụ của người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức đó (ví dụ: Công ty X do ông Nguyễn Văn A - Tổng giám đốc làm đại diện).

(4) Nếu người làm đơn là cá nhân thì ghi đầy đủ địa chỉ nơi cư trú; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi địa chỉ trụ sở chính của cơ quan, tổ chức đó.

(5) Ghi tư cách tham gia tố tụng của người làm đơn (ví dụ: là nguyên đơn).

(7) Ghi lý do cụ thể của việc đề nghị xem xét theo thủ tục tái thẩm.

(8) Ghi yêu cầu của người đề nghị (ví dụ: Đề nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kháng nghị theo thủ tục tái thẩm, huỷ Bản án dân sự phúc thẩm số 10/2017/DSPT ngày 10-02-2017 của Tòa án nhân dân tỉnh A để xét xử sơ thẩm lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự).

(9) Ghi tên tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn (ví dụ: 1. Bản sao Bản án số...; 2. Bản sao Chứng minh nhân dân....3. Quyết định số.../QĐ-UBND ngày.....).

(10) Người đề nghị là cá nhân phải ký tên hoặc điểm chỉ trực tiếp vào đơn; người đề nghị là cơ quan, tổ chức thì người đại diện hợp pháp của cơ quan, tổ chức đó phải ký tên trực tiếp và đóng dấu trực tiếp vào đơn.



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendanghehuat.vn
Tầng 2, 68 Hàng Bình Nghệ, Yên Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoi@fdvn.vn
Tầng 8, 207A Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhcm@fdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp Vinh
Luatsuvinh@fdvn.vn
360 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luathue.vn
81 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn

*MẪU SỐ 05: ĐƠN ĐỀ NGHỊ YÊU CẦU THI HÀNH ÁN*

**Mẫu số: D01-THADS**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ Tư pháp)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐƠN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN

Kính gửi: Cục (Chi cục) Thi hành án dân sự.....

Họ và tên người yêu cầu thi hành án[1]40: .....

địa chỉ: .....

Họ và tên người được thi hành án.....

địa chỉ: .....

Họ và tên người phải thi hành án.....

địa chỉ: .....

**1. Nội dung yêu cầu thi hành án:**

.....

**2. Thông tin về tài sản, điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có):**

.....

**3. Các tài liệu kèm theo:**

- Bản án, Quyết định số..... ngày... tháng..... năm..... của.....
- Tài liệu thông tin về tài sản hoặc điều kiện thi hành của người phải thi hành án (nếu có).
- Tài liệu có liên quan khác.....

..... ngày.... tháng.... năm 20.....

**Người yêu cầu thi hành án**

*(Ký, ghi rõ họ, tên hoặc điểm chỉ)*

[1] Trường hợp ủy quyền phải kèm theo giấy ủy quyền hợp pháp và xuất trình tài khoản định danh điện tử theo quy định của pháp luật hoặc một trong các giấy tờ sau đây: Thẻ căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, Giấy xác nhận thông tin về cư trú, Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.



FDVN LAW FIRM
Tầng 2, 87 Nguyễn Văn Linh, quận Hải Châu, Đà Nẵng
fdvn.vn | fdvnlawfirm.vn | diendannghehuat.vn
Tầng 2, 68 Hàng Bình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.
Luatsuhanoi@fdvn.vn
Tầng 3, 207 Hoàng Hoa Thám, Q Bình Thạnh, Hồ Chí Minh
Luatsuhcm@fdvn.vn
Khối 11, P Quỳnh Xuân, Tx Hoàng Mai, Nghệ An
Tầng 2, Tòa nhà Cửa Tiền Phố, phường Vinh Tân, Tp Vinh
Luatsunghean@fdvn.vn
360 Phan Chu Trinh, Thành phố Huế.
Luatsuhue.vn
81 Phạm Văn Đồng, Tp Pleiku, Gia Lai.
Luatsugialai.vn